Mẫu CBTT/SGDHCM-02
(Ban hành kèm theo Quyết định số 340/QĐ-SGDHCM ngày 19 tháng 08 năm 2016 của TGĐ SGDCK TPHCM về Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK TPHCM)

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 252/PA-CBTT

TP.HCM, ngày 30 tháng 03 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK TP.HCM

Kính gửi: **- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước**
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: CÔNG TY CP PIN ẮC QUY MIỀN NAM
- Mã chứng khoán: PAC
- Địa chỉ trụ sở chính: 321 Trần Hưng Đạo, P.Cô giang, Q.1, TP.HCM
- Điện thoại: 028.39203062
- Fax: 028.39203060
- Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Duy Hưng
  Chức vụ: Phó Tổng giám đốc

Loại thông tin công bố : ■ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Ngày 30/03/2023, Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam đã phát hành Báo cáo thường niên năm 2022. Báo cáo này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30/03/2023 tại đường dẫn : www.pinaco.com.vn.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Tài liệu đính kèm:
- BCTN năm 2022

Đại diện tổ chức
Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300405462 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN NĂM

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
DN: C=VN, S=Hồ Chí Minh, L=Quận 1, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300405462
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2023-03-31 13:19:19
Foxit Reader Version: 10.0.0

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU VỀ CÔNG TY

Thông tin khái quát....3

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh....6

Mô hình quản trị và bộ máy quán lý....10

Định hướng phát triển....12

Các rủi ro....14

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh....18

Tổ chức và nhân sự....19

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án....21

Tình hình tài chính....21

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu....25

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty....26

BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022....34

Tình hình tài chính 37

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý....37

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023....37

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Báo cáo của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty....41

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty....42

Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023....43

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị....46

Báo cáo Ban kiểm soát....48

Kế hoạch công tác năm 2023 của Ban kiểm soát....50

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2022....51

PINACO
HỘI NGHỊ KHÁCH HÀNG 2022
Customer Conference
LỄ TRAO THƯỞNG/ AWARDS CEREMONY
Phú Quốc, 10-14/5/2022

PIN CONÓ

HÃY
TIN
VÀO
NĂNG
LƯỢNG
KẾT
NỐI

PINACO

PINACO

TẦM NHÌN

PINACO trở thành nhà sản xuất Pin và Ắc Quy hàng đầu khu vực Đông Nam Á, vươn ra Châu Á và thế giới.

SỨ MỆNH

Cung cấp giải pháp năng lượng an toàn, hiệu quả và tin cậy cho khách hàng.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tất cả cán bộ công nhân viên **PINACO** cam kết làm việc và hành xử theo nguyên tắc **"4C"**

CHÍNH TRỰC

Tôn trọng đạo đức nghề nghiệp, hành xử công minh trong các mối quan hệ bên trong và bên ngoài công ty

CHU ĐÁO

Hướng đến khách hàng, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu của khách hàng bên trong và bên ngoài Công ty.

4C

CAM KẾT

Để cao trách nhiệm cá nhân, chủ động phát triển kỹ năng để ngày càng chuyên nghiệp hơn

CHIA SẺ

Xây dựng tinh thần đồng đội - làm việc vì lợi ích chung của Công ty

PINACO

KHỞI ĐỘNG ĐẦY MẠNH MẼ
BỀN BỈ ĐẾN THÀNH CÔNG

Thông điệp
CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi

Quý Cổ đông, Quý khách hàng, Nhà đầu tư và toàn thể cán bộ công nhân viên của

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PINACO)

Mặc dù được dự báo là năm sẽ phục hồi sau đại dịch Covid-19 nhưng tình hình năm 2022 lại diễn biến phức tạp và khó đoán định. Chiến tranh, mâu thuẫn địa chính trị, dịch bệnh và biến đổi khí hậu dẫn đến rủi ro về thị trường tài chính, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và giao thương hàng hóa trên toàn cầu. Những thách thức này đã đẩy lạm phát tăng cao kỷ lục, buộc các nước phải thắt chặt chính sách tiền tệ và làm giảm thu nhập cũng như nhu cầu của người tiêu dùng. Trong nước, tình hình kinh tế diễn biến nhanh; 6 tháng đầu năm rất tốt, tuy nhiên 6 tháng cuối năm tình hình trở nên thực sự khó khăn đối với doanh nghiệp với áp lực tỷ giá, lãi suất tăng cao, sức mua của thị trường suy giảm nghiêm trọng… dẫn đến tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn.

Trước những thách thức nêu trên, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã có những quyết sách, chỉ đạo kịp thời, đề ra nhiều biện pháp linh hoạt chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phù hợp với thực tế; thích ứng, vận dụng linh hoạt các nguồn lực và lợi thế cạnh tranh để hoàn thành cao nhất kế hoạch kinh doanh; bên cạnh đó, luôn quan tâm, chăm lo tốt và giữ người lao động trong điều kiện sản lượng sản xuất giảm nhiều. Nhờ nỗ lực cố gắng và truyền thống đoàn kết của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty, sự lãnh đạo quyết liệt, hiệu quả của Ban điều hành mà kết quả các chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2022 đều vượt so với kế hoạch đề ra, thị phần được cải thiện rõ rệt. Tổng doanh thu đạt 3.836 tỷ đồng, tăng 8,6% so cùng kỳ và tăng 1,5% so với kế hoạch; lợi nhuận trước thuế đạt 201 tỷ đồng, tăng 3,1% so kế hoạch và giảm 9,6% so với cùng kỳ.

Bền bỉ nỗ lực và phấn đấu, nhờ vậy, năm 2022 **PINACO** tiếp tục đạt danh hiệu Thương hiệu quốc gia lần thứ 6 và 26 năm hàng Việt Nam Chất lượng cao. Năm qua, **PINACO** từng bước chuyển đổi số trong bán hàng và quản trị doanh nghiệp; đã cải tiến nâng cao chất lượng một số chủng loại sản phẩm, nổi bật là bình ắc quy cho dòng xe gắn máy điện, xe đạp điện và quyết định đầu tư một số thiết bị tiên tiến tạo động lực cho sự phát triển các năm sau.

Với những thành tựu đã đạt được, hướng về tương lai với phương châm "đổi mới để phát triển", **PINACO** bước vào năm 2023 với những nhiệm vụ chính sau đây:

- Coi thị trường trong nước là sống còn, thị trường xuất khẩu là phát triển.
- Không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng.
- Hoàn thiện chiến lược chuyển đổi số, từng bước áp dụng vào sản xuất kinh doanh góp phần quan trọng nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp.
- Chuẩn bị hoàn tất các thủ tục để khởi công xây dựng nhà máy ắc quy tại Khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai trong năm 2024.

PINACO luôn ý thức sự phát triển của doanh nghiệp phải gắn trách nhiệm bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, gắn bó, đồng hành cùng người lao động; **PINACO** đã, đang và sẽ đảm bảo việc làm và thu nhập tốt cho người lao động, góp phần ổn định an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Công ty sẽ luôn tích cực tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới cùng các hoạt động xã hội khác.

Với chiến lược phát triển rõ ràng, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 được triển khai cụ thể, linh hoạt và hiệu quả bởi đội ngũ lãnh đạo, cán bộ công nhân viên tài năng, tâm huyết với ý chí quyết tâm cao. HĐQT tin tưởng chắc chắn rằng **PINACO** sẽ vượt qua mọi khó khăn và đạt được các mục tiêu đã đề ra.

Thay mặt HĐQT, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Quý Cổ đông, Nhà phân phối, Đối tác và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, làm việc hết mình vì sự phát triển của **PINACO.** Đặc biệt, xin gửi lời cảm ơn đến Quý khách hàng về sự tín nhiệm và tin dùng đối với sản phẩm **PINACO.**

Trân trọng!

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

LÊ HOÀNG

GIỚI THIỆU CÔNG TY

1. THÔNG TIN CHUNG

2. SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

3. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

4. CÁC RỦI RO

1. Thông tin khái quát

THÔNG TIN CƠ BẢN	
Tên công ty	**CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM**
Tên tiếng anh	**DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY**
Tên giao dịch	**PINACO**
Giấy CNĐKKD	Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 30/01/2020.
Vốn điều lệ	464.717.070.000 VNĐ *(Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng)*
Trụ sở chính	321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM
Điện thoại	(84 28) 3920 3062 – 3920 3063
Fax	(84 28) 3920 3060 – 3920 3061
Email	pinaco@pinaco.com.vn
Website	www.pinaco.com.vn
THÔNG TIN CỔ PHIẾU	
Mã chứng khoán	**PAC**
Sàn niêm yết	Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)
Ngày bắt đầu niêm yết	12/12/2006
Số lượng cổ phiếu lưu hành	46.471.707 cổ phiếu

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN:

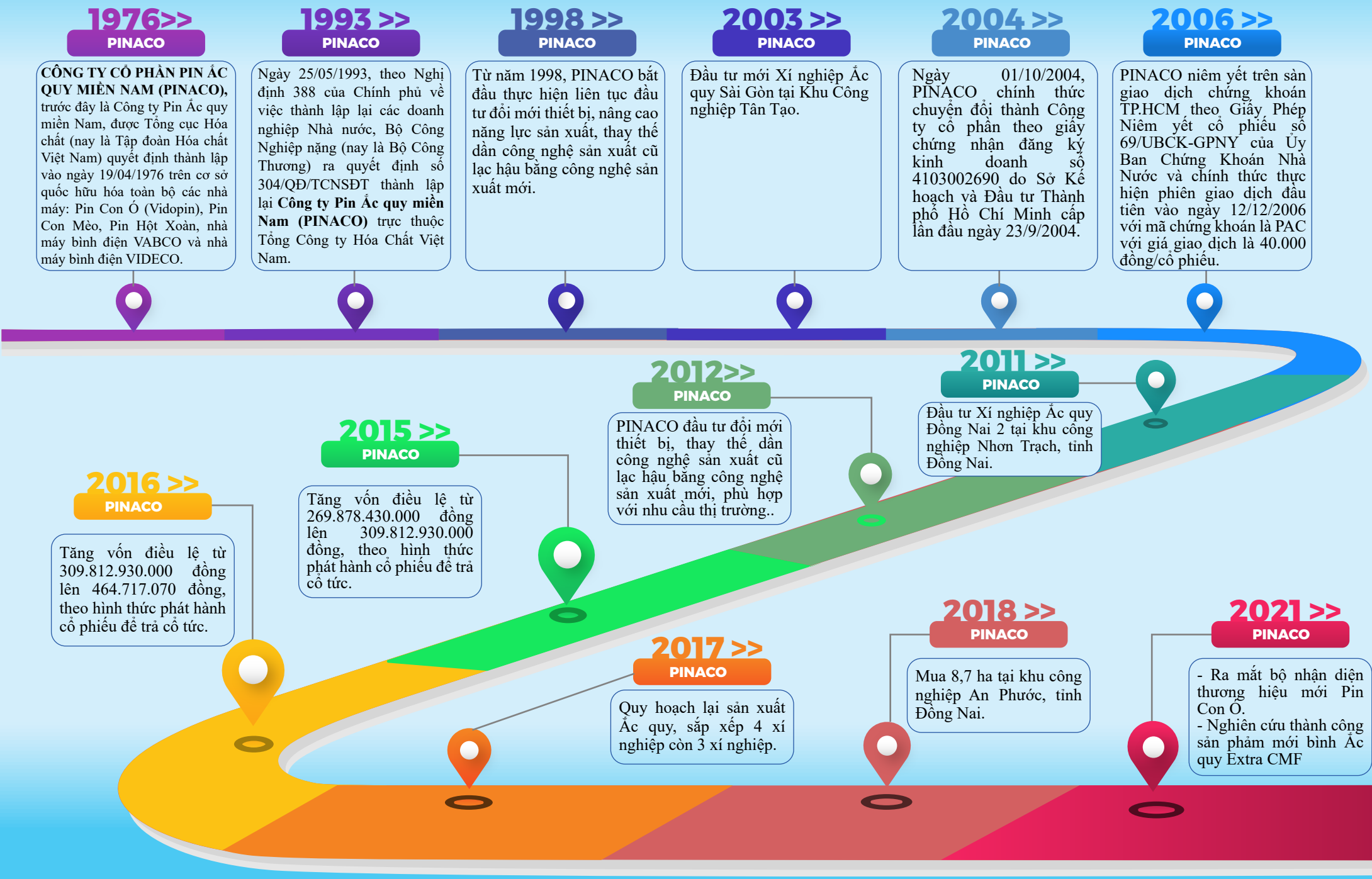

Thành tích đạt được:

- Thương hiệu Quốc gia 6 lần liên tiếp (2012, 2014, 2016, 2018, 2020, 2022);

- Hàng Việt Nam Chất lượng cao 26 năm liền do người tiêu dùng bình chọn (1997 – 2022);

- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính phủ (2013, 2014, 2015);

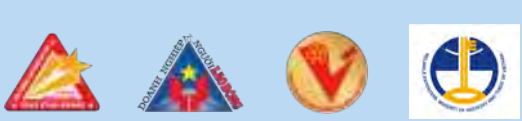

- Cờ Thi đua của Bộ Công Thương/ Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho công ty (2016, 2017, 2018, 2019, 2020, 2021, 2022), Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2 (2014, 2015), Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai (2015, 2019), Xí nghiệp Pin Con Ó (2016);

- Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Xí nghiệp Pin Con Ó (2015, 2022), Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2 (2016, 2020, 2022), Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016), Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai (2017), Công ty CP Pin Ắc quy miền Nam (2018, 2021, 2022);

- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2014, 2015, 2016, 2018, 2020, 2021, 2022);

- Cờ Thi đua của Công đoàn Công Thương Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2017, 2019);

- Huân chương độc lập hạng Nhất (2010), Nhì (2005), Ba (2001);

- Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000);

- Huân chương Lao động hạng Nhất lần 2 (2015), Nhì (2013), Ba (2001, 2003, 2020);

- Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015);

- Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" (2019, 2020, 2021);

- Top 5 Công ty có doanh thu cao năm 2019, 2020 và 5 Công ty có lợi nhuận cao năm 2019, 2020, 2021 của Tập đoàn;

- Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016);

- Đạt danh hiệu Doanh nghiệp thành phố Hồ Chí Minh tiêu biểu năm 2016, 2018, 2020;

- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014);
- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2017, 2018, 2019);
- Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2015);
- Chứng nhận ISO/IEC 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013);
- Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2001);
- Chứng nhận IATF 16949 – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011);
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011);
- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014);
- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014);
- Nhà cung cấp có năng lực tốt nhất của PIAGGIO (2017);
- Nhà cung cấp có năng lực xuất sắc về chất lượng, giao hàng và chi phí của YAMAHA (2017);
- Nhà cung cấp đã có nỗ lực và kết quả vượt trội trong hoạt động giảm giá thành của SUZUKI (2018);
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011);
- Cổ phiếu Vàng (2009);
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008);
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008);
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016).

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Sản xuất Pin, Ắc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ắc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ắc quy dân dụng dùng thắp sáng, xe điện và Ắc quy công nghiệp các loại, v.v…

- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ắc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.

Sản phẩm tiêu biểu:

- Ắc quy Đồng Nai đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v… và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, Thaco, Vinfast, Vietnam Suzuki, Honda, Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyundai Thành Công, v.v…

- Pin Con Ó được sản xuất theo công nghệ pin Alkaline và công nghệ pin carbon – kẽm. Pin không chứa thuỷ ngân và Cadmium an toàn cho người sử dụng và môi trường.

Đột phá về sản phẩm:

- PINACO tung ra dòng sản phẩm Ắc quy AGM và Ắc quy Extra CMF thế hệ mới có chất lượng vượt trội hơn ắc quy tiêu chuẩn trên thị trường Việt Nam. Thời gian bảo hành sản phẩm lên đến 18 hoặc 30 tháng tuỳ chủng loại sản phẩm, đây là bước đột phá về chất lượng và dịch vụ sau bán hàng.

- Tái định vị sản phẩm Pin Con Ó thông qua phân cấp chất lượng mới phù hợp với sự thay đổi thị hiếu tiêu dùng, vừa hướng đến nhóm tiêu dùng trẻ vừa duy trì nhóm tiêu dùng trước đây:

	Pin Con Ó - Pin Con Ó Cao Cấp (Alkaline) - Pin Con Ó Đa Dụng - Pin Con Ó Đi Chơi
Ắc quy ô tô miễn bảo dưỡng: - AGM - Extra CMF - CMF	
	Ắc quy ô tô nước (Hybrid, truyền thống)
Ắc quy xe tải	

	Ắc quy tàu thuyền
Ắc quy xe máy	
	Ắc quy xe điện
Ắc quy xe máy điện	
	Ắc quy xe đạp điện
Ắc quy dân dụng	

2.2. Địa bàn kinh doanh.

a) Trong nước:

- Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh; 02 xí nghiệp sản xuất ắc quy tại tỉnh Đồng Nai, 01 xí nghiệp sản xuất pin tại Tp. Hồ Chí Minh, 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng;
- Hệ thống cửa hàng giới thiệu sản phẩm và Cửa hàng ủy nhiệm trên toàn quốc, trong đó có 06 cửa hàng giới thiệu sản phẩm:

  + 03 tại Quận 1 và 6 – Tp HCM

  + 01 tại Đồng Nai

  + 01 tại Đà Nẵng

  + 01 tại Hà Nội

  và 05 cửa hàng ủy nhiệm:

  + 01 tại Cần Thơ

  + 01 tại Gia Lai

  + 01 tại Kon Tum

+ 01 tại Nghệ An

+ 01 tại Hà Nam

- Hệ thống phân phối:

+Nhà phân phối và đại lý: Hệ thống phân phối của Công ty có 170 Nhà phân phối/Đại lý và trên 15.000 điểm bán bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc. Đội ngũ nhân viên thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

+ Hộ lớn (OEM): PINACO tiếp tục cung cấp ắc quy Đồng Nai cho các công ty sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, các loại máy móc thiết bị khác tại Việt Nam và cung cấp pin Con Ó cho các đơn vị sản xuất thiết bị điện tử.

+ Siêu thị và các cửa hàng: Sản phẩm pin của PINACO có mặt ở các siêu thị, nhà sách, cửa hàng tiện lợi và tiệm tạp hóa trên toàn quốc.

+ Thương mại điện tử: PINACO đã xây dựng gian hàng chính thức trên Tiki, Lazada và Shopee. Ngoài ra, khách hàng có thể mua sản phẩm của PINACO thông qua website www.shop.pinaco.com, facebook, zalo, hotline 1900886833.

b) Xuất khẩu:

Xuất khẩu đóng góp 21% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2022, Công ty xuất khẩu đến 42 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, Nam Mỹ v.v…

c) Khách hàng tiêu biểu:

PINACO là đối tác cung cấp ắc quy cho hầu hết các hãng sản xuất xe ô tô và xe máy có nhà máy tại Việt Nam. Đồng thời, sản phẩm ắc quy của PINACO còn được cung cấp cho nhiều khách hàng trong lĩnh vực sản xuất khác như máy phát điện, loa di động, máy phun thuốc,...

Sản phẩm Pin của PINACO cũng đang được phân phối rộng rãi tại các siêu thị, nhà sách trên toàn quốc cũng như có mặt trong các thiết bị gia đình quen thuộc như remote điều khiển tivi, quạt máy, và các thiết bị điện tử khác.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.

- **Mô hình quản trị:** Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

- **Cơ cấu bộ máy quản lý:**

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

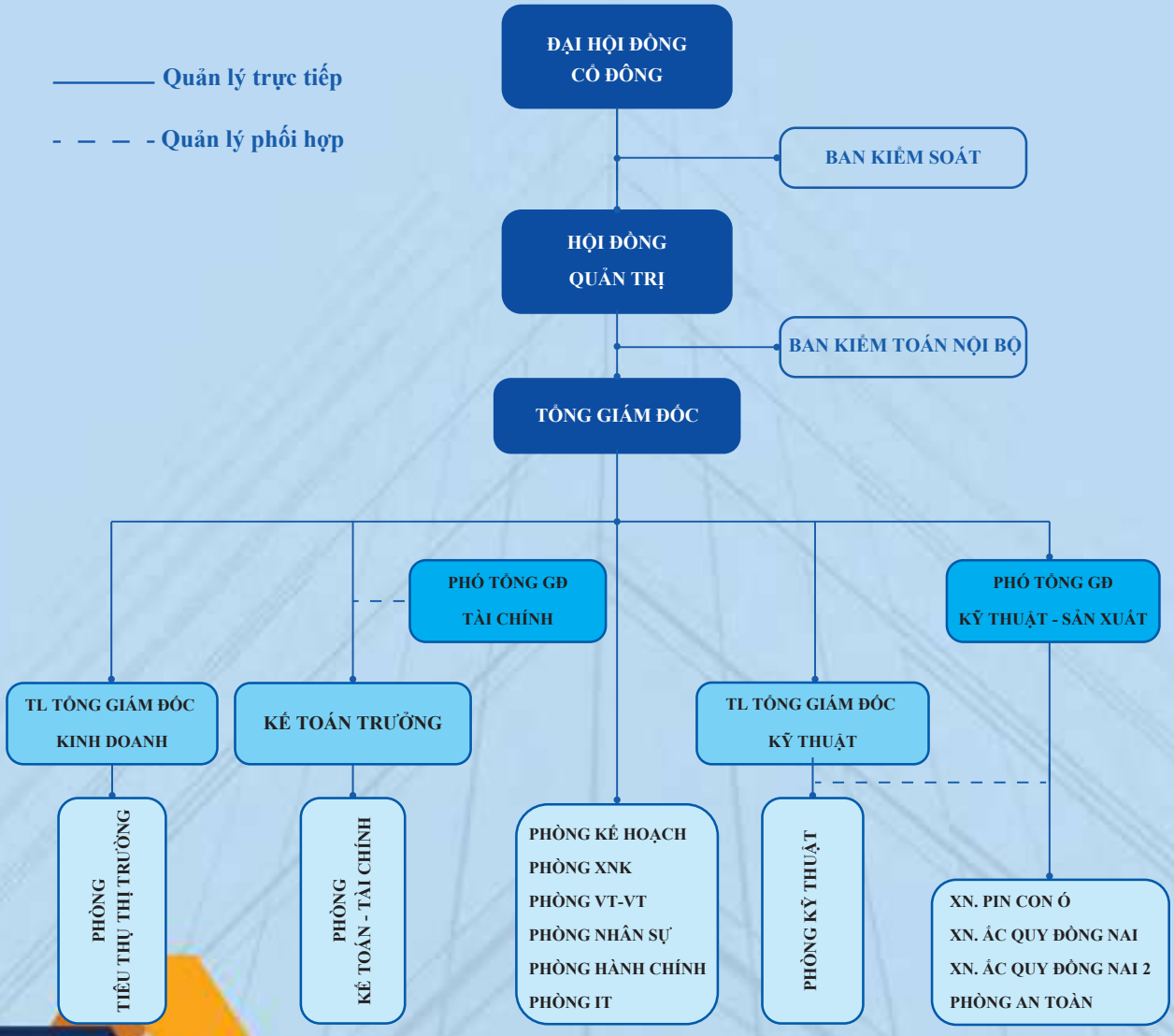

Đơn vị trực thuộc

CÁC XÍ NGHIỆP

Xí nghiệp Pin Con Ó
(Kho)

752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, TP.HCM

Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai

Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, phường An Bình, Tp. Biên Hòa, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 836 116

Xí nghiệp Pin Con Ó
(Nhà máy sản xuất)

Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, Q. Bình Tân, TP. HCM

ĐT: (028) 37 540 244

Xí nghiệp Ắc quy Đồng Nai 2

Đường N2, KCN Dệt May Nhơn Trạch, Nhơn Trạch, Đồng Nai

ĐT: (0251) 3 569 968

CÁC CHI NHÁNH

Chi nhánh Hà Nội

Lô CN-01-4
Cụm Công nghiệp
Ninh Hiệp, xã Ninh Hiệp,
huyện Gia Lâm, Hà Nội

ĐT: (024) 36 557 634

Chi nhánh Đà Nẵng

348 Điện Biên Phủ,
Q. Thanh Khê,
TP. Đà Nẵng

ĐT: (0236) 3 649 957

CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (028) 38 368 529	21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM ĐT: (028) 38 293 932	752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM ĐT: (028) 37 516 145
Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai ĐT: (0251) 3 836 116	02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội ĐT: (024) 38 261 030	348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng ĐT: (0236) 3 649 952

TRUNG TÂM BẢO HÀNH		
Khu vực Miền Bắc	**Khu vực Miền Trung**	**Khu vực Miền Nam**
02 Phạm Ngũ Lão, Q. Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội	348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng	Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM
ĐT: (024) 38 261 030	ĐT: (0236) 3 769 055	ĐT: (028) 3754 1151

Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty có 1 công ty liên kết là Công ty TNHH đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Phát, địa chỉ 752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh; kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng. Số tiền góp là 32.500.000.000 đồng, tỷ lệ 26%.

4. Định hướng phát triển

4.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty đến năm 2025

- Củng cố vị thế dẫn đầu trong ngành Pin Ắc quy tại Việt Nam.
- Trở thành công ty sản xuất Pin, Ắc quy hàng đầu Đông Nam Á.
- Tiên phong áp dụng công nghệ cao trong sản xuất Ắc quy chì – axít.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

a) Chiến lược kinh doanh

- Tiếp tục phát huy thế mạnh của hệ thống phân phối trong nước nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh, đồng thời đẩy mạnh chiến lược bán hàng đa kênh để phù hợp sự phát triển của thị trường và thói quen tiêu dùng hiện nay.
- Tập trung phát triển doanh số thị trường Đông Nam Á, xem thị trường Đông Nam Á là sân nhà của PINACO. Xây dựng nền tảng doanh số xuất khẩu vững chắc tại khu vực này. Đẩy mạnh xuất khẩu Pin sang các quốc gia Đông Nam Á, Châu Phi. Mở rộng thị trường xuất khẩu sang các khu vực: Châu Mỹ La Tinh, Châu Phi. Tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển thương hiệu tại các quốc gia xuất khẩu.
- Đẩy mạnh các dòng sản phẩm có ưu điểm vượt trội như: Ắc quy khô miễn bảo dưỡng (AGM, Extra CMF, VRLA ISS). Những sản phẩm vượt trội so với sản phẩm Ắc quy tiêu chuẩn tại thị trường Việt Nam sẽ được chú trọng phát triển.
- Không ngừng nghiên cứu, nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ và phát triển các sản phẩm mới, đa dạng để đáp ứng tốt nhất nhu cầu thị trường, giữ vững và phát triển thị phần. Từng bước tung ra các sản phẩm chất lượng vượt trội, tạo sự khác biệt rõ ràng so với các sản phẩm cùng loại, mang nhiều lợi ích hơn cho khách hàng.
- Tập trung truyền tải thông điệp "Lan toả năng lượng tích cực" đến người tiêu dùng. Xây dựng văn hóa kinh doanh lấy khách hàng là trung tâm phục vụ. Phát triển bền vững, có trách nhiệm với xã hội và môi trường.

b) Chiến lược đầu tư

- Tập trung đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường cũng như bảo vệ môi trường.

- Chuẩn bị các thủ tục, nguồn vốn để đầu tư xây dựng nhà máy mới tại khu công nghiệp An Phước tỉnh Đồng Nai đáp ứng nhu cầu tăng trưởng cũng như di dời Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai tại khu công nghiệp Biên Hòa.

c) Chiến lược nguồn nhân lực

- Chăm lo phát triển nguồn nhân lực theo hướng khuyến khích và thu hút người tài và tạo dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện, đề cao tinh thần trách nhiệm, tự giác và hướng tới khách hàng.

- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý điều hành cho cán bộ hiện tại, cán bộ quy hoạch; đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên, huấn luyện nâng cao tay nghề cho đội ngũ kỹ thuật và công nhân trực tiếp sản xuất.

- Tổ chức thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, tạo nguồn cán bộ trẻ vừa hồng vừa chuyên nhằm đảm bảo tính kế thừa trong trung và dài hạn.

- Dựa vào mục tiêu chung của Công ty để xây dựng và giao chỉ tiêu đánh giá kết quả công việc (KPIs) cho từng đơn vị, cá nhân làm cơ sở đánh giá năng lực cũng như có chính sách đãi ngộ cho toàn thể cán bộ, nhân viên của Công ty.

- Áp dụng chính sách trả lương tiên tiến, phù hợp quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ các chính sách, chế độ cần thiết đối với người lao động trên cơ sở gắn liền với hiệu quả công việc của từng bộ phận và cá nhân.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững

- Hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh pin và ắc quy có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai những giải pháp như sau:

  + Luôn đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật về công tác bảo vệ môi trường như việc kiểm soát phát thải, thu gom, xử lý các chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất và kinh doanh của mình.

  + Không ngừng đầu tư và cải tiến liên tục các hệ thống xử lý môi trường, trang thiết bị thu gom, phân loại các chất thải tại nguồn của các công đoạn sản xuất; kiểm soát các yếu tố gây ô nhiễm đáp ứng các quy định của pháp luật và ứng dụng nhanh vào công nghệ sản xuất các tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe người lao động.

  + Duy trì hệ thống quản lý môi trường của Công ty theo tiêu chuẩn ISO 14001-2015, thường xuyên kiểm tra, giám sát tính tuân thủ và hiệu lực của hệ thống và thường xuyên giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể nhân viên của Công ty.

- Trách nhiệm xã hội là một trong những chính sách quan trọng của quá trình hoạt động và định hướng phát triển bền vững của Công ty trong hiện tại và tương lai. Pinaco là một trong những thành viên tích cực của Hội đồng trách nhiệm xã hội tự nguyện của các doanh nghiệp hoá chất Việt Nam (Vietnam Responsible Care Council – VRCC).

- Công ty luôn cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn

khi sử dụng với giá cả phù hợp để đảm bảo quyền lợi của khách hàng.

- Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ bà con nghèo, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cho cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển một cách bền vững

5. Các rủi ro

5.1 Rủi ro vĩ mô

- Chiến tranh Nga – Ukraine, tôn giáo, sắc tộc chưa chấm dứt, tình hình Trung Đông luôn bất ổn đã ảnh hưởng đến thương mại toàn cầu. Cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn sẽ làm cho kinh tế thế giới vốn đã khó khăn nay lại thêm bất ổn, khó lường.

- Năm 2022, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam là 8,02%. Việt Nam vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức về chuỗi cung ứng, thiếu nguồn nhân lực có tay nghề, năng suất lao động thấp, phụ thuộc nhiều vào các doanh nghiệp FDI, thiên tai.

- Nền kinh tế Việt Nam có độ mở lớn, nước ta tham gia nhiều hiệp định thương mại thế hệ mới với nhiều quốc gia phát triển. Bên cạnh cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu, công ty phải đối mặt sự cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm cùng loại được nhập khẩu từ các nước phát triển.

5.2. Rủi ro lãi suất

- Với tỷ lệ nợ vay ngắn và dài hạn cuối năm 2022 cao, chiếm 49,4% trên tổng tài sản, ngoài ra sắp tới nhu cầu đầu tư sẽ rất lớn, do vậy khi có những biến động về lãi suất sẽ ảnh hưởng đến tình hình hoạt động của Công ty. Trong năm 2022, lãi suất vay ngắn hạn VND và USD đều tăng so với năm 2021 mặc dù Công ty đã tích cực đàm phán với các tổ chức tín dụng.

- Ý thức được những tác động của biến động lãi suất, Ban lãnh đạo Công ty đã chỉ đạo tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho, luôn theo dõi sát diễn biến tình hình tài chính trên thế giới, chính sách tiền tệ, chính sách tài khóa,… từ đó có các giải pháp phù hợp nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của lãi suất đến tình hình hoạt động của Công ty.

5.3 Rủi ro tỷ giá

- Tình hình biến động tỷ giá năm 2022 khá nhiều và theo xu hướng tăng. Là một công ty mà phần lớn vật tư, nguyên liệu, thiết bị chính đều nhập khẩu nên biến động tỷ giá sẽ tác động đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Để giảm thiểu những tác động tiêu cực từ biến động của tỷ giá, Công ty đã có nhiều biện pháp như theo dõi sát và dự báo tình hình diễn biến của tỷ giá để điều chỉnh chính sách vay đô la hoặc tiền đồng phù hợp, mua ngoại tệ kỳ hạn,…

5.4. Rủi ro nguyên vật liệu

- Nguồn nguyên vật liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty là chì và kẽm. Năm 2022 được đánh giá là một năm khá khó khăn: tiếp tục ảnh hưởng sau Covid-19 khi giá bình quân kẽm tăng 16% và chì xoay quanh 3% so với năm 2021. Nguồn nguyên liệu khác như: lá cách, hóa chất, nhựa, giấy trước đây giá ít thay đổi thì nay cũng đã hầu hết tăng cao. Một số nguyên liệu cho ngành pin phụ thuộc nhà cung cấp Trung Quốc vì giá cạnh tranh, trong khi đó nhà cung cấp trong nước chưa đáp ứng về chất lượng hoặc giá cả cao như muội acetylene, mangan điện giải, mangan thiên nhiên.

- Để hạn chế rủi ro, Công ty đã, đang và sẽ tích cực tìm kiếm đa dạng nhà cung cấp, luôn duy trì tối thiểu 2 nhà cung cấp cho một loại vật tư nguyên liệu nhằm tăng tính cạnh tranh và chủ động bảo đảm an toàn nguồn cung trong sản xuất cũng như đã thực hiện việc tự luyện chì hợp kim để giảm sự phụ thuộc, giảm chi phí tồn trữ.

5.5. Rủi ro pháp lý

- Hoạt động sản xuất kinh doanh pin, ắc quy chịu ảnh hưởng của Luật Bảo vệ Môi trường, Luật Xuất Nhập khẩu, Luật Thương mại, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán.v.v. Đặc biệt Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 là một trong những quy định đáng chú ý điều chỉnh trực tiếp đến các hoạt động của Công ty. Bên cạnh đó hệ thống luật pháp Việt Nam đang còn nhiều bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp, nếu không nắm bắt, cập nhật kịp thời sẽ dễ dẫn đến những rủi ro pháp lý. Vì vậy, việc phòng ngừa và xử lý rủi ro pháp lý là một vấn đề được Công ty rất quan tâm.

- Để giảm thiểu những rủi ro này Công ty đã lựa chọn, ký hợp đồng với công ty tư vấn luật để được tư vấn kịp thời về các vấn đề phát sinh. Bên cạnh đó, Công ty bố trí nhân sự chuyên trách công tác pháp chế để kiểm tra, rà soát, đảm bảo các Hợp Đồng, giao dịch của Công ty tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; theo dõi, cập nhật sự thay đổi của các văn bản pháp luật và phổ biến cho các đơn vị, phòng ban trong Công ty.

5.6. Rủi ro cạnh tranh

- Trong bối cảnh Việt Nam đang thực hiện các hiệp định thương mại đã ký trước đây. Điển hình như Hiệp định ATIGA, các hiệp định FTA thế hệ mới, hiệp định đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), hiệp định EVFTA sẽ khiến cho sự cạnh tranh từ các sản phẩm nhập ngoại ngày càng gay gắt hơn. Đối với công ty là sự cạnh tranh từ các thương hiệu đến từ những nước có thế mạnh trong ngành như Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan và các nước Châu Âu và ASEAN.v.v.

- Để duy trì khả năng cạnh tranh và phát triển ổn định, trong những năm qua và kế hoạch đầu tư trong thời gian tới Công ty đã luôn quan tâm đầu tư, đổi mới thiết bị, đón đầu xu thế. Hầu hết các thiết bị sản xuất đều được lựa chọn từ các nhà cung cấp hàng đầu thế giới ở các nước G7. Với nền tảng công nghệ tích lũy hơn 45 năm và các công nghệ mới chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, Hàn Quốc giúp Công ty có thể nâng cao chất lượng sản phẩm của mình, tạo ra những sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng và cũng dựa vào đó để Công ty có thể giữ vững vị thế của mình trên thị trường pin, ắc quy.

5.7. Rủi ro sản phẩm thay thế

Thu nhập của người dân ngày càng tăng dẫn đến nhu cầu sử dụng cũng thay đổi. Người tiêu dùng luôn ưu tiên tìm mua những sản phẩm chất lượng. Hơn nữa, công nghệ pin ắc quy đang thay đổi khá nhanh với sự xuất hiện nhiều công nghệ mới: pin sạc, pin nhiên liệu, ắc quy Lithium-Ion,…

- ***Đối với sản phẩm pin:***

+ Pin Carbon kẽm công ty đang sản xuất thuộc nhóm sản phẩm công nghệ cũ, tốc độ tăng trưởng đang chậm dần, đặc biệt nhu cầu pin đại (R20, D-size) đang suy giảm mạnh và sẽ chấm dứt vòng đời trong tương lai gần… Nhưng các loại pin tiểu (R6, AA-Size) và pin đũa (R03, AAA-Size) vẫn rất phổ biến và tiếp tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

+ Chi phí sản xuất lớn, dẫn đến giá thành cao hơn so với đối thủ cạnh tranh.

- ***Đối với sản phẩm ắc quy:***

  + Ắc quy chì acid cũng dần bị thay thế bởi các loại ắc quy công nghệ mới hơn. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng ắc quy chì acid vẫn rất cao do lượng phương tiện sử dụng ắc quy này vẫn đang tiếp tục tăng mạnh trong tương lai 3-5 năm tới và do có giá thành thấp và khả năng thu hồi, tái chế cao.

  + Các đơn vị lắp ráp ô tô – xe máy (OEM) ưu tiên các nhà sản xuất ắc quy cùng quốc gia.

  Để đối phó với rủi ro sản phẩm thay thế, Công ty đang đầu tư mạnh cho hoạt động R&D, tìm kiếm đối tác hợp tác nghiên cứu và tích cực tìm kiếm các công nghệ mới thay thế công nghệ hiện hữu để có thể đầu tư phát triển trong tương lai.

5.8. Rủi ro với môi trường

- Quá trình công nghiệp hóa đất nước kéo theo nguy cơ ô nhiễm môi trường ngày càng nghiêm trọng. Quốc hội Việt Nam vừa ban hành Luật Môi trường 2020 mới có hiệu lực từ 01/01/2022 siết chặt hơn về công tác bảo vệ môi trường, cũng như tăng cường kiểm tra xử phạt các vi phạm về môi trường của các nhà máy gây ô nhiễm để đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững.

- Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất pin, ắc quy có quy trình sản xuất, nguyên liệu có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến môi trường. Tuy nhiên trong những năm qua Công ty luôn tuân thủ nghiêm các quy định pháp luật về môi trường như đầu tư hệ thống thu gom, xử lý chất thải nguy hại trong quá trình sản xuất, tuân thủ các quy định về quản lý, tồn trữ, xử lý chất thải nguy hại và triển khai hệ thống thu gom sản phẩm thải bỏ sau quá trình sử dụng ngoài thị trường. Công ty cũng rất chú trọng công tác giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của cán bộ công nhân viên trong Công ty. Năm 2022, Công ty đã tham gia đóng góp tài chính vào Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam số tiền gần 2,95 tỷ đồng.

PINACO

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2022

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

2. TỔ CHỨC NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Dự báo nền kinh tế sẽ phục hồi mạnh mẽ sau đại dịch Covid 19, tuy nhiên năm 2022 kết quả không như kỳ vọng. Xung đột Nga – Ukraine kéo dài, cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn đã dẫn đến lạm phát, lãi suất tăng cao, sức mua giảm sút. Tình hình trong nước, 6 tháng đầu năm tăng trưởng tốt, tuy nhiên 6 tháng cuối năm gặp khó khăn, đặc biệt là quý 4 rất khó khăn, tình trạng này vẫn còn kéo sang năm 2023. Tình hình thắt chặt tín dụng để chống lạm phát đã làm cho khan hiếm nguồn vốn, đẩy lãi suất và tỷ giá tăng cao, sức mua yếu dẫn đến hàng tồn kho tăng cao.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	TH 2022/ KH 2022	TH 2022/ TH 2021
Tổng doanh thu	Tỷ đồng	3.531	3.780	3.836	101,5%	108,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	222	195	201	103,1%	90,4%
Cổ tức(*)	%	15	≤15	-	-	-

Ghi chú: *(*) Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng 10% vào ngày 14/02/2023.*

Lợi nhuận trước thuế của Công ty đạt 201 tỷ đồng, bằng 103,1% so với kế hoạch và bằng 90,4% (nếu loại trừ thu nhập khác thì bằng 97,6%) so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân chủ yếu là do tỷ giá và lãi suất tăng đã làm cho chi phí tài chính, giá vốn tăng.

2. Tổ chức và nhân Sự

Danh sách Ban điều hành:

01 Ông NGUYỄN ĐIỀN PHƯỚC CHÂN

- ***Chức vụ:*** Phó Tổng Giám đốc
- ***Sinh năm:*** 1980
- ***Quê quán:*** Thừa Thiên Huế
- ***Trình độ Chuyên môn:*** Kỹ sư Hóa
- ***Lý luận chính trị:*** Trung cấp chính trị
- **Số cổ phần nắm giữ:** 03 cổ phần

02 Ông NGUYỄN DUY HƯNG

- ***Chức vụ:*** Phó Tổng Giám đốc
- ***Sinh năm***: 1973
- ***Quê quán:*** Hà Tĩnh
- ***Trình độ chuyên môn:*** Cử nhân kinh tế
- ***Lý luận chính trị:*** Cao cấp chính trị
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 852 cổ phần

Ông LÊ VĂN NĂM

- ***Chức vụ:*** Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, Bí thư Đảng ủy
- ***Sinh năm:*** 1967
- ***Quê quán:*** Đồng Tháp
- ***Trình độ chuyên môn:*** Kỹ sư hóa
- ***Lý luận chính trị:*** Cao cấp chính trị
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 3.577 cổ phần

03 Ông NGUYỄN HOÀNG THÀNH

- ***Chức vụ:*** Trợ lý Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh
- ***Sinh năm:*** 1978
- ***Quê quán:*** Quảng Nam
- ***Trình độ chuyên môn:*** Cử nhân Kinh tế
- ***Lý luận chính trị:*** Trung cấp chính trị
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 193 cổ phần

04 Ông CAO TRỌNG MIÊN

- ***Chức vụ:*** Trợ lý Tổng Giám đốc
- ***Sinh năm:*** 1968
- ***Quê quán:*** Thừa Thiên Huế
- ***Trình độ Chuyên môn:*** Cử nhân hóa
- ***Số cổ phần nắm giữ:*** 2.835 cổ phần

Những thay đổi trong ban điều hành:

- Ông Nguyễn Duy Hưng: thôi giữ chức Kế toán trưởng và được bổ nhiệm giữ chức Phó Tổng giám đốc công ty kể từ ngày 01/02/2023.
- Ông Nguyễn Văn Diệp: phó phòng Kế toán – Tài chính được giao Phụ trách kế toán, thực hiện chức trách và nhiệm vụ của Kế toán trưởng công ty kể từ ngày 01/02/2023.

Số lượng cán bộ, nhân viên :

Stt	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	**Theo trình độ**	**1.339**	**100%**
1	Trên Đại học	4	0,3%
2	Đại học	281	21,0%
3	Cao đẳng	68	5,1%
4	Trung cấp	130	9,7%
5	Khác	856	63,9%
B	**Theo tính chất hợp đồng lao động**	**1.339**	**100%**
1	Hợp đồng xác định thời hạn	692	51,7%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	647	48,3%

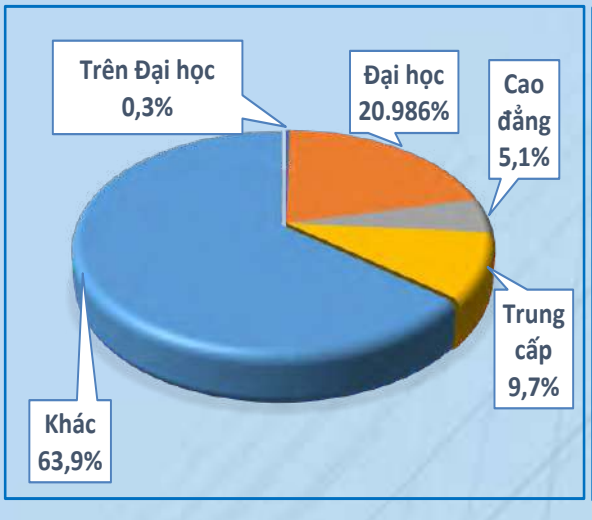

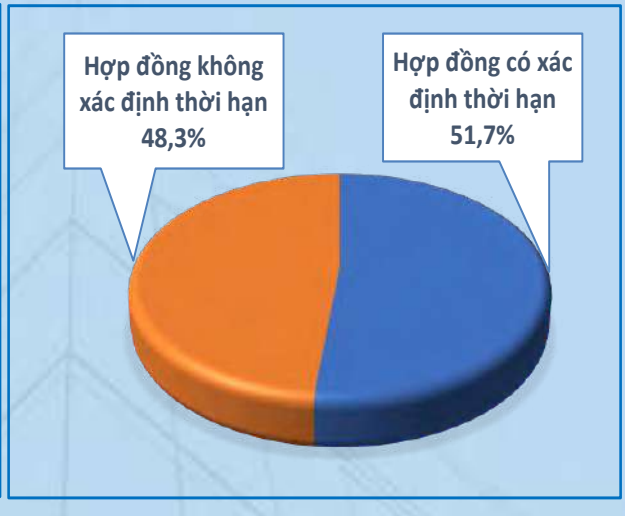

Công tác Nhân sự - Tiền lương:

Rà soát điều chỉnh, bổ sung quy chế lương phù hợp với quy định và đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Xây dựng nguồn nhân lực trong toàn công ty đáp ứng sự phát triển bền vững trong tương lai. Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, chủ động cho từng cá nhân, bộ phận. Xây dựng và giao chỉ tiêu về chi phí, giá thành trên từng sản phẩm, tích hợp "Mục tiêu chất lượng" và hệ thống KPIs cho các đơn vị để đánh giá mức độ hoàn thành công việc và có chính sách trả lương thưởng và có chế độ đãi ngộ phù hợp nhằm khuyến khích tăng năng suất lao động.

Quan tâm chăm lo đời sống vật chất, tinh thần của người lao động. Thực hiện mua Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24, Bảo hiểm hưu trí tự nguyện, Bảo hiểm nhân thọ cho toàn thể cán bộ nhân viên của Công ty để tăng cường sự gắn bó lâu dài với Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng quan tâm đến cán bộ nhân viên hưu trí; luôn có một khoản trợ cấp cho những nhân

viên có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các viện dưỡng lão, những nơi nuôi dưỡng trẻ em mồ côi khuyết tật, v.v…nhằm giáo dục cho CB.CNLĐ truyền thống 'uống nước nhớ nguồn' và trách nhiệm với cộng đồng xã hội.

Công ty cũng đã thưởng cổ phiếu PAC cho toàn thể CB.CNLĐ từ nguồn khen thưởng và phúc lợi nhằm phát huy tiếng nói và quyền lợi cổ đông trong công ty.

Trong năm 2022 Công ty đã tiếp tục duy trì các phong trào thi đua tiết kiệm vật tư, chi phí, văn phòng khang trang lịch sự, hội thao, v.v… Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức các phong trào thi đua về doanh số bán hàng cho các cán bộ nhân viên nhằm nâng cao sản lượng bán hàng của Công ty.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn

- Triển khai đầu tư các máy móc thiết bị ngành ắc quy với công nghệ tiên tiến của Mỹ nhằm tăng năng lực sản xuất lá cực như máy trộn cao chì, lò ủ thẻ, sấy thẻ… đầu tư tăng năng lực lắp ráp và hoàn tất đối với các dòng ắc quy công nghiệp cỡ nhỏ, ắc quy xe máy để đáp ứng nhu cầu thị trường.

- Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư cho dự án xây dựng nhà máy sản xuất ắc quy tại khu công nghiệp An Phước, diện tích xây dựng là 5,6 ha, công suất 1,6 triệu kwh/năm để đáp ứng nhu cầu tăng trưởng ắc quy kể từ năm 2025 và phục vụ di dời Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai khỏi khu công nghiệp Biên hòa 1.

b) Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát, để khai thác khu đất 752 Hậu Giang, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa hoạt động.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính : đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng, giảm
Tổng giá trị tài sản	2.468.635.392.528	2.415.945.628.242	-2,1%
Tổng doanh thu	3.530.513.437.533	3.835.776.645.881	8,6%
Doanh thu thuần	3.048.517.656.121	3.398.697.970.311	11,5%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	206.301.122.617	201.383.643.765	-2,4%
Lợi nhuận khác	16.110.499.507	-344.096.317	-102,1%
Lợi nhuận trước thuế	222.411.622.124	201.039.547.448	-9,6%
Lợi nhuận sau thuế	173.826.965.883	157.931.358.524	-9,1%
Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá (*)	15%	-	-

Ghi chú: (*): Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng 10% vào ngày 14/02/2023.

Tính đến cuối năm 2022, tổng giá trị tài sản của Công ty đạt 2.416 tỷ đồng, giảm 2,1% so với năm 2021. Nguyên nhân tổng tài sản giảm chủ yếu mục tài sản ngắn hạn: đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu ngắn hạn.

Trong bối cảnh nhiều biến động về lãi suất, tỷ giá, và sự cạnh tranh của các đối thủ, Công ty đã chủ động ban hành các chính sách bán hàng linh hoạt, dành ngân sách thích đáng cho cho công tác bán hàng, quản trị hệ thống phân phối hiệu quả, chăm sóc khách hàng chu đáo nên kết quả lợi nhuận đạt được là khá tích cực.

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	1,16	1,15
Hệ số thanh toán nhanh (Tài sản ngắn hạn-Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn)	Lần	0,73	0,63
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,65	0,62
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	1,89	1,61
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho *(Giá vốn hàng bán/HTK bình quân)*	Vòng	3,81	4,07
Vòng quay tổng tài sản *(Doanh thu thuần/Tổng TS bình quân)*	Vòng	1,25	1,39
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,70	4,65
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	21,94	17,76
Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	7,14	6,47
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,77	5,93

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Trong năm 2022, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2021, cụ thể hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,16 lần xuống 1,15 lần. Trong bối cảnh biến động tỷ giá, lãi suất giai đoạn những tháng cuối năm 2022, Công ty luôn chủ động quản trị dòng tiền hiệu quả nhất.

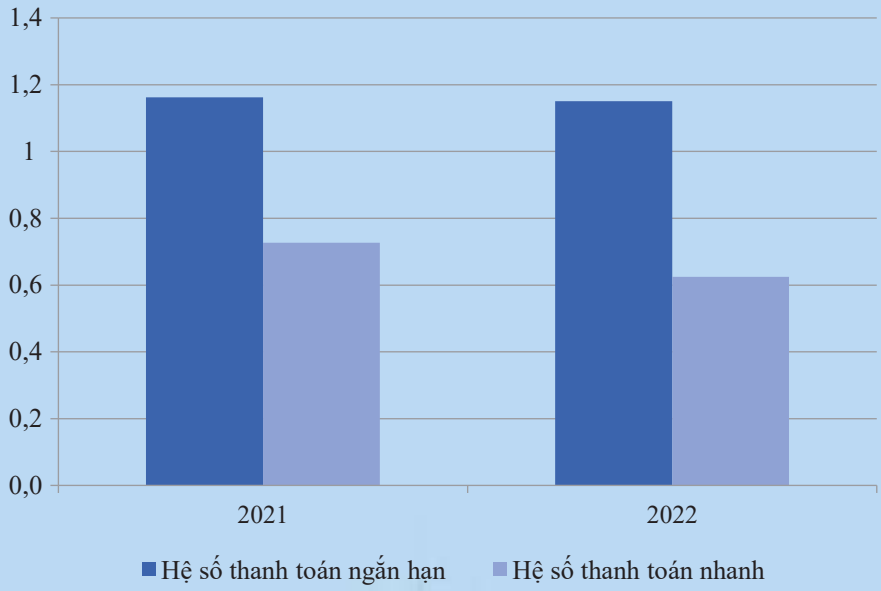

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Các chỉ số về cơ cấu vốn của Công ty trong năm 2022 so năm 2021 có cải thiện. Cụ thể Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,65 xuống 0,62 lần; Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu giảm từ 1,89 xuống 1,61 lần. Nguyên nhân chủ yếu là do giảm nợ phải trả người bán ngắn hạn, giảm khoản vay dài hạn, tăng trích quỹ đầu tư phát triển theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, chính sách chia cổ tức vừa phải và kết quả sản xuất kinh doanh khá tích cực.

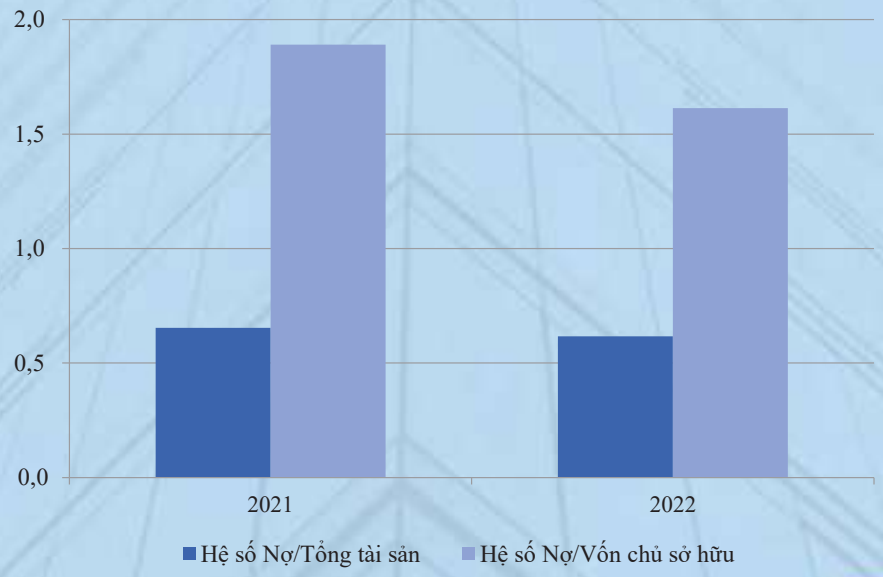

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm 2022, chỉ tiêu Vòng quay hàng tồn kho của Công ty tăng từ 3,81 vòng lên 4,07 vòng so với cùng kỳ năm 2021. Nguyên nhân tăng chủ yếu là do tổng giá vốn hàng bán tăng. Chỉ tiêu Vòng quay Tổng tài sản trong năm 2022 của Công ty đã tăng từ 1,25 vòng lên 1,39 vòng so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân là do doanh thu thuần tăng, và tổng tài sản bình quân giảm.

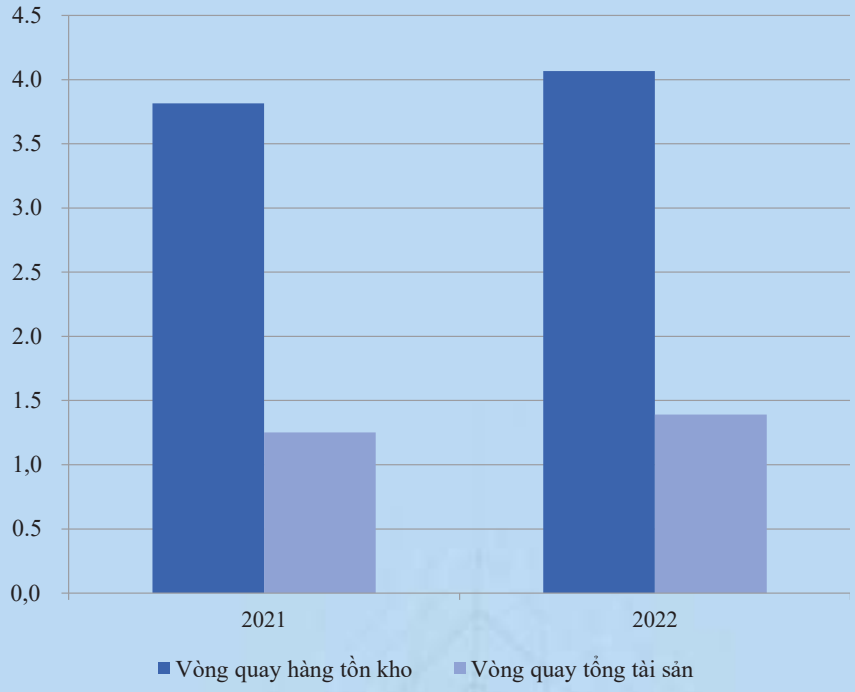

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Nhìn chung, các chỉ số về khả năng sinh lời của Công ty trong năm 2022 có giảm so với năm 2021, nguyên nhân chính là do tỷ giá và lãi suất tăng đã làm cho chi phí tài chính, giá vốn tăng.

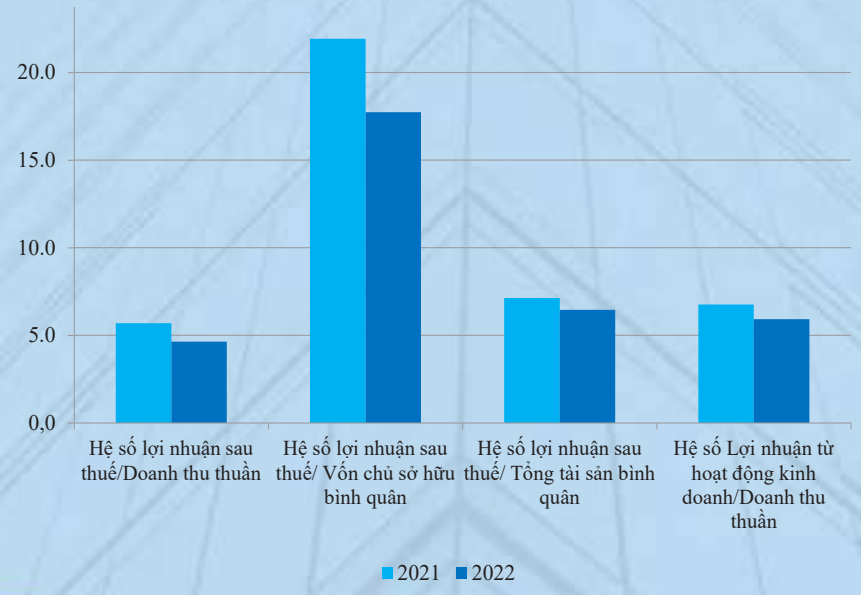

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành: **46.471.707** cổ phần.
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá: **10.000** đồng/cổ phần.
- Cổ phiếu quỹ: **0** cổ phần.
- Cổ phiếu đang lưu hành: **46.471.707** cổ phần.

5.2. Cơ cấu cổ đông

Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	% vốn điều lệ
Tổng cộng	1.181	46.471.707	**100,0%**
Cổ đông trong nước	979	40.523.316	**87,2%**
Tổ chức	17	36.341.758	78,2%
Cá nhân	962	4.181.558	9,0%
Cổ đông nước ngoài	**202**	**5.948.391**	**12,8%**
Tổ chức	26	5.526.729	11,9%
Cá nhân	176	421.662	0,9%

Tỷ lệ sở hữu cổ đông nước ngoài tối đa là 49%.

5.3. Danh sách cổ đông lớn

Stt	Tên cổ đông	Số lượng (cổ phiếu)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ
1	Tập đoàn Hóa chất Việt nam	23.898.273	238.982.730.000	51,4%
2	Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI	9.880.000	98.800.000.000	21,3%
3	The Furukawa Battery Co., Ltd.	4.899.708	48.997.080.000	10,5%
4	Công đoàn Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền nam	2.328.734	23.287.340.000	5,0%

d) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập đến nay

Stt	Năm phát hành	Số cổ phần tăng thêm hàng năm	Số cổ phần lũy kế	Đối tượng
1	2004	10.263.000	10.263.000	Phát hành lần đầu
2	2007	1.737.000	12.000.000	Cổ đông hiện hữu
3	2008	4.500.000	16.500.000	Cổ đông hiện hữu
4	2009	4.035.272	20.535.272	Cổ đông hiện hữu
5	2010	2.014.850	22.550.122	Cổ đông hiện hữu
6	2011	4.437.721	26.987.843	Cổ đông hiện hữu
7	2015	3.993.450	30.981.293	Cổ đông hiện hữu
8	2016	15.490.414	46.471.707	Cổ đông hiện hữu

e) Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại là 0 cổ phiếu, trong năm không phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ.

f) Các chứng khoán khác

Trong năm không phát hành đợt phát hành chứng khoán nào cả.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Ô nhiễm môi trường là một vấn đề nóng trên toàn cầu. Hiện nay, môi trường toàn cầu đang bị đe dọa trầm trọng, vì tình hình thế giới ngày càng phát triển, các nhà máy, công trình mỗi ngày thải ra ngoài môi trường rất nhiều chất thải như: khí thải, chất thải nguy hại, nước thải,… dẫn đến môi trường bị ô nhiễm nặng. Do đó việc bảo vệ môi trường là nhiệm vụ cấp thiết hiện nay.

Bên cạnh đó, nguyên liệu sản xuất chính của Công ty là chì, kẽm và nhựa. Trong khi, chì lại là chất gây ô nhiễm nặng nề nhất, nguyên nhân là chì rất độc, nhựa là chất khó phân hủy, gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Hiểu rõ được điều này nên trong những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý môi trường như: Áp dụng và đạt chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015, tổ chức đánh giá tác động môi trường và được phê duyệt của các cơ quản lý chức năng trước khi triển khai dự án. Đầu tư các hệ thống xử lý bụi - khí thải đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp QCVN 19:2009, hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011.

Thực hiện Nghị định 08/2022/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ Môi trường, PINACO đã nghiêm túc chấp hành và đã triển khai được 05 điểm thu hồi sản phẩm Pin

và Ắc quy thải bỏ tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Đồng Nai và Thành phố Hồ Chí Minh.

Về triển khai việc thu hồi sản phẩm Pin và ắc quy thải bỏ về quản lý chất thải rắn – chất thải nguy hại công ty đã tổ chức triển khai phân loại chất thải tại nguồn, kho chất thải tập trung riêng biệt như kho chứa chất thải sinh hoạt, chất rắn thông thường; chất thải nguy hại. Đã ký hợp đồng chuyển giao – xử lý tái chế với các công ty có chức năng, thực hiện giám sát chất lượng môi trường và báo cáo giám sát môi trường với các cơ quan quản lý về môi trường đúng như cam kết của đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt. Từ đó hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Nguyên vật liệu sử dụng

Bất kỳ một doanh nghiệp sản xuất nào, nguồn nguyên vật liệu là yếu tố quyết định đến doanh thu, lợi nhuận của Công ty. Ngoài ra, trong môi trường cạnh tranh như hiện nay, để có thể giữ vững vị thế của mình, Công ty thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm trong khi vẫn đảm bảo giá bán thì việc quản lý sử dụng nguồn nguyên vật liệu một cách hiệu quả là một việc làm cấp thiết.

Năm 2022, Công ty đã thực hiện các chính sách nhằm tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong khâu sản xuất nhằm giảm giá thành sản phẩm. Tổng lượng nguyên liệu Công ty tiêu thụ trong năm:

Stt	Tên NVL	ĐVT	Tổng cộng
1	Chì	tấn	25.118
2	Acid Sulfuric	tấn	5.095
3	Kẽm	tấn	1.373

b) Nguyên vật liệu tái chế được sử dụng lại trong quá trình sản xuất

Công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được tiếp tục triển khai ở tất cả các xí nghiệp của Công ty trong năm 2022. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa lại vào sản xuất.

Năm qua, khối lượng nguyên vật liệu tái chế sử dụng để sản xuất sản phẩm đạt 1.603 tấn. Cụ thể:

Stt	Xí nghiệp	ĐVT	Khối lượng chì thu hồi trong năm
1	Đồng Nai	Kg	460
2	Đồng Nai 2	Kg	1.143
Tổng cộng			**1.603**

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Stt	Tên NVL	ĐVT	Tổng cộng
1	Điện	kwh	40.071.515
2	Gas	Lít	1.839.721
3	Nước	m^3	**368.208**

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

Chỉ tiêu	ĐVT	Tỷ lệ %	Số lượng
Điện	Kwh	0,6%	240.429
Gas	Lít	3,1%	57.301
Nước	m^3	0,2%	736

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Năng lượng đóng vai trò quan trọng trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, cùng với đó việc phát triển kinh tế xã hội thì nhu cầu sử dụng năng lượng sẽ có xu hướng tăng. Bên cạnh đó, việc sử dụng không hợp lý đã gây ra tình trạng cạn kiệt nguồn nguyên liệu hóa thạch, dẫn đến những tác động tiêu cực cho hệ sinh thái. Đồng thời, tình trạng khan hiếm nguyên liệu này ngày càng tăng tác động đến giá có xu hướng tăng cao trong những năm gần đây. Ngoài ra, với nguồn năng lượng hóa thạch, ngành công nghiệp điện đã thải lượng lớn khí cacbon ra môi trường gây ra hiện tượng hiệu ứng nhà kính, biến đổi khí hậu, v.v… làm ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng tăng trưởng, phát triển bền vững của nền kinh tế trong và ngoài nước. Nhận thức được tầm ảnh hưởng của việc sử dụng năng lượng đến mọi mặt của mỗi quốc gia, Chính phủ Việt Nam đã đưa ra nhiều chính sách phù hợp với tình hình nhằm tiết kiệm nguồn năng lượng tối đa, đồng thời sử dụng năng lượng hiệu quả nhất.

Với vị thế là doanh nghiệp đứng đầu ngành sản xuất pin, ắc quy trong nước nên trong năm qua Công ty đã thực hiện nhiều giải pháp để tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

6.4. Tiêu thụ nước

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

Nước là thành phần không thể thiếu trong đời sống của con người, là một phần quan trọng của quá trình vận hành hoạt động của nền kinh tế. Tuy nhiên, hiện nay nhiều nơi đang tiêu thụ nước một cách lãng phí, đồng thời tình trạng nước chưa qua xử lý xả thải thẳng ra môi trường cũng đang là vấn đề được Nhà nước quan tâm. Do đó, nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ nguồn nước và để có thể sử dụng một cách tiết kiệm, hợp lý là một bài toán được chú trọng hiện nay. Công ty đã đưa ra những biện pháp hợp lý, tái sử dụng nguồn nước cho các mục đích khác nhau như dùng nước thải đã qua xử lý tưới cây, rửa sàn nhà,… Đồng thời Công ty tích cực tuyên truyền và khuyến khích mỗi người lao động cần phải tự ý thức được tầm quan trọng của nguồn nước và sử dụng nguồn nước một cách hợp lý để bảo vệ cuộc sống của chính mình

Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

Xí nghiệp	Nguồn cung cấp	Lượng sử dụng (m^3)	
		Năm 2021	Năm 2022
Đồng Nai	Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai	165.476	162.983
Đồng Nai 2	Công ty CP Đầu tư Vinatex- Tân tạo	177.661	187.920
Pin Con Ó	Công ty Cổ phần Cấp nước Chợ Lớn	14.854	262
Tổng cộng		**346.719**	**351.165**

b) Tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng

Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm

Nội dung	ĐVT	Năm 2021	Năm 2022
Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành	m^3	6.580	3.456
Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tưới trục cán trát cao	m^3	789	-
Sử dụng nước thải sau cột lọc RO để rửa nền	m^3	936	**1.400**
Tổng cộng	**m^3**	**8.305**	**4.856**

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Năm 2022, Công ty đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Văn phòng công ty và 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy của Công ty được cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001: 2015 bởi **Công ty United Registrar of Systems (URS)**. Bên cạnh đó, Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường.

Chính sách bảo vệ môi trường và cam kết:

- Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.

- Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp, nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.

- Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Các chỉ tiêu về môi trường:

- Đối với nước thải: Các xí nghiệp của công ty đều được đầu tư hệ thống cống dẫn riêng biệt cho các loại nước thải: Nước mưa – Nước sinh hoạt – Nước thải sản xuất. Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau khi thu gom sẽ được xử lý 100 % theo tiêu chuẩn cho phép (Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp QCVN 40:2011) trước khi thải ra môi trường bên ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp.

- Ngoài ra tại các Xí nghiệp đều có tổ chức tái sử dụng lại nước thải của hệ thống cột lọc nước RO và của hệ thống xử lý nước thải, góp phần tiết kiệm nước sử dụng, giảm thiểu tác động môi trường và sử dụng nguồn tài nguyên môi trường hiệu quả (lượng nước tái sử dụng: khoảng 5 m3/ ngày).

- Đối với bụi - khí thải: Các xí nghiệp đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cưa cắt thẻ, lắp ráp, v.v … điều đạt Quy chuẩn về kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp, QCVN 19:2009.

- Đối với chất thải rắn – chất thải nguy hại: Các xí nghiệp của công ty đều tổ chức phân loại chất thải tại nguồn; đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường, ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng như xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì, bình ắc quy hư hỏng…

- Đối với chất thải sinh hoạt: ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.

- Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường..

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động:

Tính đến thời điểm 31/12/2022, Công ty có 1.339 lao động.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

Công ty thành lập hội đồng An toàn vệ sinh lao động để chỉ đạo, kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty theo Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015. Thành lập Phòng An toàn để triển khai thực hiện công tác An toàn trong công ty ngày càng hiệu quả hơn

Công ty xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động tập thể công ty trình Sở lao động Thương bình và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh phê duyệt với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động như: Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề nghiệp, mua bảo hiểm tai nạn 24/24, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ, bảo hiểm hưu trí tự nguyện cho người lao động,… đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hoạt động để chăm lo đời sống tinh thần cho cán bộ công nhân viên: hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ, ...

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên.

Chính sách đào tạo

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng
Gián tiếp		
Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo	người	18
Tổng số giờ đào tạo	giờ	250
Trung bình	giờ/người/năm	14
Trực tiếp		
Tổng số người đào tạo	người	672
Tổng số giờ đào tạo	giờ	5.258
Trung bình	giờ/người/năm	7,8
Cấp quản lý		
Số cán bộ quản lý	người	1
Số giờ đào tạo	giờ	24
Trung bình	giờ/người/năm	24
Bình quân chung	**giờ/người/năm**	**8,5**

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Bên cạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty còn quan tâm đến đời sống của cán bộ nhân viên, và cán bộ làm việc tại công ty nhưng đã nghỉ hưu. Cụ thể, công ty đã trợ cấp cho các cán bộ hưu trí có hoàn cảnh khó khăn, tặng quà cho cán bộ công nhân lao động hưu trí có huân chương nhân dịp 2/9. Tặng quà mừng thọ cho các cụ là tứ thân phụ mẫu của cán bộ công nhân lao động đến đúng tuổi 80, 85 và 90 tuổi trở lên vào dịp Tết. Trợ cấp cho công nhân lao động bị bệnh nằm viện dài ngày, có hoàn cảnh khó khăn. Tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp quốc tế thiếu nhi, tết trung thu. Công ty cũng đã khen thưởng, trao học bổng "Nguyễn Đức Cảnh" cho những cháu là con cán bộ nhân viên đạt thành tích tốt trong học tập.

Ngoài việc chăm lo cho người lao động, năm qua Công ty luôn có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội và đã chi Ủng hộ Quỹ "Vì biển đảo quê hương - Vì tuyến đầu Tổ quốc" thành phố Hồ Chí Minh năm 100 triệu đồng, đóng góp quỹ an sinh xã hội Tập đoàn năm 150 triệu đồng. Thăm hỏi tặng quà cho những người bị bệnh, trợ giúp khó khăn…Tổng chi cho Công tác xã hội, từ thiện trong năm trên 1,055 tỷ đồng.

PINACO

BÁO CÁO
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2022

2. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2022	So sánh (%)	
				Kế hoạch	Cùng kỳ
Doanh thu	Tỷ đồng	3.780	3.836	101,5%	108,6%
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	195	201	103,1%	90,4%
Cổ tức (*)	%	15	≤15	-	-

Ghi chú: *(*) Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng 10% vào ngày 14/02/2023.*

Doanh thu đạt 3.836 tỷ đồng, tăng 1,5% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 8,6% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 201 tỷ đồng, giảm 9,6% so với cùng kỳ năm 2021 và tăng 3,1% so với kế hoạch (nếu loại trừ 16 tỷ đồng thu nhập bất thường năm 2021 thì lợi nhuận trước thuế chỉ giảm 2,4%).

Một số kết quả nổi bật khác:

- Công ty đã chủ động đẩy mạnh sản xuất và tiêu thụ tối đa ngay từ đầu năm để đáp ứng nhu cầu thị trường tăng cao sau thời gian giãn cách kéo dài, trong khi đó chi phí bán hàng lại thấp. Kết quả 6 tháng đầu năm doanh thu đạt 56% và lợi nhuận trước thuế đạt 63% kế hoạch năm. Mặc dù 6 tháng cuối năm bị ảnh hưởng từ kinh tế thế giới, nhu cầu trong nước sụt giảm, tình hình kinh doanh rất khó khăn, tiêu thụ chậm lại, sản xuất ít đi, nhưng công ty vẫn hoàn thành vượt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận trước thuế Đại hội đồng cổ đông giao.

- Đưa vào hoạt động các dự án đầu tư quan trọng, nâng công suất lên từ 10% so với cùng kỳ đồng thời phê duyệt một số dự án đầu tư quan trọng làm tiền đề cho năm 2023 phát triển.

- Mở rộng bán hàng kênh MT (Modern Trade), phát triển bán hàng vào những Siêu Thị lớn như Coop Mart, Mega, Lotte và các chuỗi cửa hàng tiện lợi CVS (Convenience Store). Mở nhiều chiến dịch bán sản phẩm Pin Con Ó ra Miền Bắc, bước đầu cho tín hiệu khả quan.

- Củng cố bộ phận OEM nhằm đẩy mạnh doanh số ở khu vực này. Tăng cường tiếp cận và chăm sóc khách hàng, hợp tác thành công với nhiều dự án xe mới của khách hàng, nổi bật là dòng xe ô tô điện VF8 của Vinfast xuất khẩu sang thị trường Mỹ.

- PINACO đạt thương hiệu quốc gia lần thứ 6. Tiếp tục quan tâm đến công tác quảng bá thương hiệu. Năm qua tham gia quảng cáo tại Sea games 31 giúp thương hiệu PINACO lan tỏa không chỉ ở Việt Nam và cả khu vực Đông Nam Á. Tiếp tục chương trình định vị lại Pin Con Ó, đã tổ chức nhiều hoạt động giới thiệu bộ nhận diện thương hiệu Pin Con Ó tại các chợ truyền thống và các siêu thị, cửa hàng tiện lợi, trung tâm thương mại trên khắp cả nước.

1.2. Những biện pháp chính đã thực hiện

Công tác tiêu thụ - thị trường:

- Công ty đã tận dụng tốt cơ hội bán hàng 6 tháng đầu năm đạt mức tăng trưởng cao. Nhưng tình hình 6 tháng cuối năm ngày một khó khăn, sức mua giảm sâu trong quý 4, bình ngoại nhập vào nhiều, đối thủ tăng khuyến mãi. Vì vậy Công ty đã thay đổi linh hoạt chính sách bán hàng phù hợp với tình hình thực tế, luôn đồng hành với NPP, tung các chương trình thúc đẩy tiêu thụ tại các điểm bán để giảm tồn kho, giãn thời gian thanh toán nhằm giảm áp lực tài chính cho hệ thống phân phối nhưng vẫn đạt chỉ tiêu doanh thu. Lựa chọn thời điểm thích hợp điều chỉnh tăng giá bán để bù đắp chi phí đầu vào tăng nhưng vẫn được thị trường chấp nhận.

- Thành lập phòng Xuất nhập khẩu để đẩy mạnh xuất khẩu. Năm qua Công ty đã hỗ trợ khách hàng nhằm ổn định doanh số xuất khẩu. Thực hiện nhiều chương trình xây dựng thương hiệu, mở rộng địa bàn, mạng lưới phân phối ở khu vực Đông Nam Á, cụ thể là thị trường Thái Lan; Mở rộng hệ thống phân phối tại Indonesia và Philippines; Phát triển thêm nhà phân phối và mở rộng mạng lưới phân phối pin Con Ó tại thị trường Campuchia, quảng bá hình ảnh Pin Con Ó tại Myanmar.

Công tác Đầu tư - Kỹ thuật – Sản xuất:

- Năm qua Công ty đã cải tiến công nghệ, nâng tuổi thọ bình CMF, Extra CMF, bình N200, PA12-14, 12-23 để đáp ứng yêu cầu của Ford, Vinfast và các hãng lắp ráp khác. Cải tiến chất lượng Pin R03 đáp ứng thị hiếu của khách hàng. Tổ chức hội thảo khoa học, công nghệ nhân ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam để nêu cao tinh thần ham sáng tạo và đổi mới của đội ngũ cán bộ kỹ sư, cử nhân toàn công ty. Đưa vào vận hành một số máy móc thiết bị như: dây chuyền hoàn tất bình CMF, máy trát cao, máy trộn cao chì, 6 dây nạp hóa thành, hệ thống 5 dây nạp ướt v.v… sẵn sàng đáp ứng sản phẩm khi thị trường cần. Về dự án xây nhà máy mới đã hoàn thành báo cáo khả thi, thiết kế cơ sở, báo cáo đánh giá tác động môi trường, trình thẩm tra dự án và phê duyệt DTM, phấn đấu đầu năm 2024 sẽ khởi công xây dựng. Ngoài ra hoàn thiện các thủ tục một số dự án quan trọng để đưa vào vận hành trong năm 2023.

- Công ty luôn coi trọng con người là tài sản quý, trong thời gian dịch Covid 19 có nhiều chính sách tốt cho người lao động nên không chỉ sản xuất tốt trong thời gian giãn cách mà còn có đủ lực lượng lao động để duy trì sản xuất tối đa sau đó. Công ty đã chủ động đẩy mạnh sản xuất tối đa, làm cả ngày nghỉ, thậm chí một số nhà máy còn sản xuất xuyên Tết Nguyên đán đã giúp tăng trưởng doanh thu đạt như kỳ vọng. Kết quả 6 tháng đầu năm sản xuất không những đáp ứng tiêu thụ mà còn nâng dự trữ tồn kho theo quy định.

2. Tình hình tài chính

Tình hình tài sản:

Chất lượng tài sản tốt, trong năm tình hình tài sản ổn định, hiệu quả sử dụng tài sản cao, nợ phải thu quá hạn không đáng kể.

Tình hình nợ phải trả:

Chất lượng tài sản tốt, trong năm tình hình tài sản ổn định, hiệu quả sử dụng tài sản cao, nợ phải thu quá hạn không đáng kể.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua Công ty bổ nhiệm một số cán bộ chủ chốt thuộc ban Tổng Giám đốc cho phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn tới. Rà soát, xây dựng

lại chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức các phòng ban, xí nghiệp. Ngoài ra Công ty đã thay đổi một số chính sách cũng như phương pháp quản trị để phù hợp với tình hình mới đặc biệt là thực hiện chuyển đổi số hiệu quả nhằm mở ra cơ hội phát triển Công ty.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

4.1. Các chỉ tiêu

- ***Tổng doanh thu:*** 3.800 tỷ đồng.
- ***Lợi nhuận trước thuế*** : 198 tỷ đồng
- ***Cổ tức:*** Phấn đấu 15%

4.2. Các giải pháp thực hiện

a) Nhiệm vụ trọng tâm:

- Triển khai lập kế hoạch sản xuất kinh doanh một cách chi tiết và đặt ra nhiều phương án ngay từ đầu năm nhằm bảo đảm thực hiện thành công các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông giao.

- Tăng cường các hoạt động chăm sóc khách hàng, nhất là khách hàng OEM, NPP. Tập trung đưa nhanh các sản phẩm đã nghiên cứu thành công ra thị trường làm đường dẫn cho các sản phẩm truyền thống đã có và cơ hội làm tăng doanh thu như bình Extra CMF, bình PA cho xe đạp, xe máy điện. Rà soát tính toán để có giá bán phù hợp, bảo đảm tính cạnh tranh nhằm gia tăng thị phần, nhất là bình MF và bình xe gắn máy. Đẩy mạnh xuất khẩu, coi xuất khẩu là động lực để Công ty phát triển.

- Tiếp tục cải tiến, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, quy trình, hướng dẫn công việc, quy chế làm việc. Tăng cường quản lý chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Triển khai các hoạt động quản lý sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả. Thực hiện rà soát tìm kiếm các giải pháp tiết kiệm vật tư chi phí, đồng thời thắt chặt chi tiêu, chỉ chi những gì thật sự cần thiết. Tăng cường công tác quản trị hàng tồn kho tối ưu. Tiếp tục phát triển các dòng sản phẩm mới, nâng cao chất lượng sản phẩm hiện hữu đáp ứng yêu cầu của khách hàng ngày càng cao.

- Triển khai kế hoạch thu hồi sản phẩm thải bỏ góp phần vào việc bảo vệ môi trường. Lập kế hoạch tổng thể về chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, điều hành, thực hiện từng bước phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty.

- Tiếp tục tìm kiếm đa dạng nguồn cung ứng vật tư nhằm bảo đảm ổn định nguồn cung cấp vật tư và giá cả cạnh tranh.

- Tập trung lắp đặt, vận hành chạy thử và đưa vào sản xuất máy đúc sườn đột dập để tinh gọn khâu đúc sườn và giảm tiêu hao vật tư. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt dự án An Phước phấn đấu đầu năm 2024 sẽ khởi công.

b) Một số giải pháp chính:

Công tác tiêu thụ - thị trường:

- Theo dõi sát các động thái thị trường, hoạt động của các đối thủ để có đối sách phù hợp,

tiết kiệm, hiệu quả. Sớm nhận diện tín hiệu tích cực từ thị trường để tận dụng cơ hội thúc đẩy tiêu thụ.

- Quy hoạch lại kênh phân phối pin tại thị trường từ HCM nhân rộng ra các tỉnh phía Nam và khu vực Nam Miền trung. Đầu tư mạnh cho việc phát triển hệ thống phân phối pin tại khu vực Bắc Miền Trung và Miền Bắc. Chủ yếu tập trung tiệm điện, điện tử và văn phòng phẩm. Tiếp tục thực hiện và hoàn thành những dự án hợp tác mới với các dòng xe như Ford Ranger, Hyundai Santafe, Hyundai Tucson, Vinfast VF6, VF7. Đẩy mạnh trọng tâm vào khách hàng HONDA cả doanh số ắc quy xe máy và bước đầu đánh giá cung cấp ắc quy ô tô.

- Tiếp tục duy trì và đẩy mạnh phát triển hơn nữa mô hình bán hàng đa kênh như Shopee, Tiki, Lazada, Website Pinaco vì đây là kênh vừa bán hàng vừa quảng bá thương hiệu.

- Tập trung các nguồn lực mở rộng thị trường xuất khẩu mới, trọng tâm là khu vực Châu Mỹ La Tinh, Châu Phi và quốc gia còn lại tại khu vực Đông Nam Á. Tích cực tham gia các triển lãm thương mại, lập các đoàn khảo sát thị trường và tìm kiếm khách hàng để công tác mở thị trường xuất khẩu đạt hiệu quả cao nhất. Xây dựng nền tảng vững chắc và phát triển doanh số các thị trường khu vực Đông Nam Á, đặc biệt là thị trường Indonesia, Thái Lan, Philippines, Campuchia. Phối hợp với khách hàng triển khai các chương trình khuyến mãi, hỗ trợ bán hàng phù hợp hơn với tình hình thị trường. Xây dựng hệ thống phân phối Pin Con Ó tại thị trường Campuchia, đưa pin Con Ó thành nhãn hiệu pin hàng đầu tại Campuchia. Theo dõi sát các diễn biến chính trị tại khu vực và linh động thực hiện các chương trình hỗ trợ phù hợp để duy trì xuất khẩu sang khu vực Trung Đông.

Công tác kỹ thuật – sản xuất:

- Tăng cường công tác quản lý chất lượng, cải tiến HTQLCL nhằm bảo đảm ổn định chất lượng và nghiên cứu nâng cao chất lượng sản phẩm. Triển khai các mô hình quản lý sản xuất tiên tiến để nâng cao hiệu quả sản xuất.

- Sớm hoàn thiện công nghệ sản xuất sau cải tiến cho ắc quy CMF, đặc biệt bình Extra CMF và PA, đưa vào sản xuất đại trà bình Extra CMF, PA12-14, PA12-23 chất lượng tốt cung cấp cho thị trường. Cải tiến công nghệ nạp với acid tỷ trọng thấp cho bình CMF. Sản xuất đại trà bình N110, N220 phóng sâu cho xe giường nằm, xe điện chuyên dụng.

- Bố trí sản xuất phù hợp theo yêu cầu thị trường, đồng thời kiểm soát chặt chẽ lượng tồn thành phẩm, bán thành phẩm trên dây chuyền sao cho tồn kho tối ưu. Số hóa hồ sơ chất lượng trong sản xuất để HTQLCL hoạt động hiệu quả hơn. Đào tạo nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật, KCS, QA, đào tạo vận hành thiết bị và tay nghề cho người lao động....

Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển:

- Tập trung lắp đặt, nghiên cứu ứng dụng công nghệ đưa vào sản xuất lá cực trên hệ thống đúc sườn đột dập, trát trống để nhanh chóng phát huy hiệu quả. Quy hoạch sản xuất sườn, lá cực giữa các xí nghiệp trên cơ sở sử dụng thiết bị mới công suất cao theo phương án tiết kiệm nhất. Phát triển sản phẩm mới bình EFB, Q85, N55 cho ô tô có chức năng Star-stop, tìm hiểu công nghệ lắp ráp ắc quy Litium, công nghệ tái sinh chì và nghiên cứu công nghệ ắc quy thẻ ống.

- Lắp đặt và sớm đưa vào sản xuất các hạng mục đã được đầu tư như máy trát cao combine, 2 lò ủ thẻ. Đồng thời tiếp tục triển khai các các dự án đầu tư mới đã được phê duyệt: Dây

chuyền lắp ráp VRLA số 5, máy đúc phụ kiện, 3 máy xếp lá cách, máy châm axit bình PA,… Làm thủ tục xin phê duyệt đầu tư dây chuyền lắp ráp VRLA số 6 để đáp ứng cho thị trường khi ổn định kinh tế. Hoàn thành các phê duyệt dự án đầu tư xây dựng nhà máy An Phước để quý 1/2024 khởi công xây dựng.

Công tác khác:

- Tìm nguồn vốn giá rẻ phục vụ đầu tư và sản xuất kinh doanh, thường xuyên theo dõi sát sao tình hình diễn biến của thị trường tài chính để có giải pháp đối phó phù hợp, tránh bị động gây thiệt hại cho Công ty. Tăng cường công tác kiểm soát tính tuân thủ, phát huy hơn nữa bộ phận kế toán quản trị, kiểm toán nội bộ để kiểm soát, phòng ngừa rủi ro.

- Thực hiện xây dựng và kiện toàn hệ thống quản lý Công ty theo kế hoạch được duyệt hướng tới việc số hóa trong quản trị doanh nghiệp.

BÁO CÁO
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ẮC QUY MIỄN BẢO DƯỠNG THẾ HỆ MỚI - BẢO HÀNH 24 THÁNG

1. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2022

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

3. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2023

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty năm 2022.

1.1. Đánh giá chung

Sau 2 năm thế giới trải qua đại dịch, với kỳ vọng năm 2022 sẽ gặp nhiều thuận lợi; tuy nhiên, do ảnh hưởng của hậu Covid 19, chiến tranh thương mại và cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn, xung đột giữa Nga và Ukraine kéo dài làm cho rủi ro về thị trường tài chính, an ninh lương thực, lạm phát tăng cao buộc ngân hàng trung ương các nước phải tăng lãi suất, kích hoạt cho lãi suất, tỷ giá các nước biến động tăng cao chưa từng có. Mặt khác, giá nguyên vật liệu đầu vào tăng và duy trì ở mức cao, thu nhập của người dân giảm sút, sức mua của thị trường suy yếu. Tình hình trong nước cũng không là ngoại lệ, mặc dù GDP tăng trưởng 8,02% so với cùng kỳ, song càng về cuối năm tình hình kinh tế chuyển biến xấu nhanh chóng và đến nay vẫn còn khó khăn.

Đối với PINACO, ngoài những tác động nêu trên, sản xuất kinh doanh của Công ty có những thuận lợi, khó khăn sau:

Thuận lợi:

- Thương hiệu sản phẩm mạnh, hệ thống phân phối nội địa rộng khắp, thị trường xuất khẩu đã phát triển thêm nhiều quốc gia.

- Chất lượng sản phẩm tiếp tục được duy trì và ổn định tạo niềm tin cho người tiêu dùng giúp tăng khả năng cạnh tranh; đội ngũ lãnh đạo Công ty và người lao động luôn đoàn kết, có kinh nghiệm, thành thạo chuyên môn và đầy tâm huyết là động lực quan trọng nhất cho sự ổn định và phát triển của Công ty.

Khó khăn:

- Cạnh tranh trên thị trường ngày càng khốc liệt cả về giá bán, chất lượng và các chính sách bán hàng, hậu mãi.

- Giá vật tư đầu vào duy trì mức tăng cao; tỷ giá, lãi suất bật tăng cao vào các tháng cuối năm đã ảnh hưởng lớn đến kết quả lợi nhuận.

1.2. Kết quả kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Stt	Nội dung các chỉ tiêu	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	So sánh (%)	
					Cùng kỳ	Kế hoạch
1	Tổng doanh thu	3.531	3.780	3.836	101,5	108,6
2	Lợi nhuận trước thuế	222	195	201	103,1	90,4
3	Cổ tức(*)	15%	≤15	-	-	-

Ghi chú: *(*): Công ty đã tạm ứng cổ tức năm 2022 bằng tiền mặt tương ứng 10% vào ngày 14/02/2023.*

1.3. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

Năm 2022, năm đầu của Nhiệm kỳ Hội đồng quản trị (HĐQT) 05 năm giai đoạn 2022-2027, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Đối với công tác chỉ đạo, HĐQT đã xác định các vấn đề trọng tâm, trọng điểm trong sản xuất, kinh doanh và đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định đúng đắn, phù hợp, kịp thời; đồng thời, phối hợp tốt với Ban Điều hành tập trung xử lý, giải quyết các vấn đề theo thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông giao phù hợp với các quy định hiện hành.

- Trong năm 2022, số lượng thành viên HĐQT còn 4 người, do ông Shinichiro Ota mất ngày 04/05/2022.

Đánh giá chung: HĐQT và Ban điều hành đã phối hợp tốt, hiệu quả và hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 giao.

2. Đánh giá hoạt động của Ban điều hành Công ty

Trong năm 2022, Ban điều hành Công ty có bốn (04) thành viên đều có trình độ chuyên môn và lý luận chính trị cao, có nhiều kinh nghiệm trong ngành pin ắc quy, tâm huyết và nhiệt tình.

Ban điều hành công ty đã có nhiều nỗ lực vượt qua khó khăn trong bối cảnh nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi hậu Covid 19, xung đột Nga – Ukraine kéo dài và lãi suất, tỷ giá tăng cao, sức mua của thị trường giảm sút về cuối năm. Mặc dù vậy, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn vượt kế hoạch Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị giao. Ban điều hành đã linh hoạt và nhạy bén đề ra nhiều chính sách phù hợp trong tình hình mới nhằm giữ vững được thị phần, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động.

3. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

3.1. Nhận định tình hình chung

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới dự báo vẫn còn diễn biến phức tạp, khó lường, Cục Dự trữ liên bang Mỹ - FED (Ngân hàng TƯ Mỹ) vẫn tiếp tục nâng lãi suất để chống lạm phát; một số ngân hàng tại Mỹ phá sản tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng xấu; bên cạnh đó, chiến tranh Nga – Ukraine kéo dài và phức tạp; chiến tranh thương mại và cạnh tranh địa chính trị giữa các nước lớn đe dọa đến phục hồi nền kinh tế thế giới. Một số kết quả dự báo cho thấy tăng trưởng có xu hướng chậm lại; nguy cơ suy thoái kinh tế và các rủi ro về tài chính, tiền tệ, nợ công, an ninh năng lượng, lương thực, thông tin gia tăng.

Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng GDP 6,5%, lạm phát 4,5%, song bước sang năm 2023, nền kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn, sức mua thị trường yếu, lãi suất, tỷ giá còn neo cao, báo hiệu 1 năm đầy khó khăn, thách thức đang chờ đợi.

3.2. Mục tiêu cụ thể

Căn cứ vào tình hình thực tế, HĐQT trình Đại Hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

- **Tổng doanh thu:** 3.800 tỷ đồng, bằng 99% so với thực hiện năm 2022.

- **Lợi nhuận trước thuế:** 198 tỷ đồng.

- **Cổ tức:** Phấn đấu 15%.

3.3. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành đúng quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty phấn đấu hoàn thành tốt các mục tiêu, nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông năm 2023 giao, cụ thể:

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi và ban hành các quy chế, quy định quản lý để phù hợp với Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan;

- Chủ động cùng Ban điều hành xây dựng các phương án hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm thích ứng với sự biến đổi nhanh chóng của thị trường. Đảm bảo hiệu lực, hiệu quả của chuỗi cung ứng từ khâu chuẩn bị nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu; tổ chức sản xuất, phân phối, lưu thông, đến cung ứng hàng hóa trong nước và xuất khẩu. Phấn đấu cao nhất thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 đã đặt ra trong bối cảnh nền kinh tế trong nước và thế giới gặp nhiều khó khăn; biến thách thức thành cơ hội của Công ty;

- Tiếp tục rà soát, khẩn trương thực hiện các nội dung liên quan đến đầu tư phát triển trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời, phát huy tối đa các nguồn lực hiện có để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, lợi thế của doanh nghiệp;

- Tăng cường kiểm soát và tối ưu hóa các chi phí, thực hành tiết kiệm, phát huy có hiệu quả các sáng kiến cải tiến trong mọi hoạt động của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh;

- Tiếp tục hoàn thiện tổ chức, kiện toàn bộ máy, nhân lực, đảm bảo nhân lực có trình độ chuyên môn, ngoại ngữ và khả năng quản lý đáp ứng với quá trình phát triển của Công ty và hội nhập quốc tế.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

2 . BÁO CÁO BAN KIỂM SOÁT

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị :

Gồm năm thành viên (một Chủ tịch và bốn thành viên), như sau:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT		Cổ phiếu (bao gồm số được ủy quyền)	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Ông Lê Hoàng	Chủ Tịch HĐQT	27/06/2020		9.840.483	21,18
2	Ông Lê Văn Năm	TV HĐQT/TGĐ	20/04/2019		9.375.437	20,17
3	Ông Nguyễn Văn Chung	TV HĐQT	27/04/2017		4.685.930	10,08
4	Ông Nguyễn Quốc Việt	TV HĐQT	23/04/2022		-	-
5	Ông Trần Thanh Văn	TV HĐQT		23/04/2022	41.345	0,09
6	Ông Shinichiro Ota (*)	TV HĐQT	27/04/2017		-	-

(*) Ông Shinichiro Ota mất ngày 04/05/2022

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Công ty đã rất nổ lực trong việc thành lập các tiểu ban, tuy nhiên đến nay vẫn chưa lựa chọn được nhân sự phù hợp vào các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị có năm thành viên đều tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản lý; phân công nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT như sau:

  + Ông Lê Hoàng – Chủ tịch HĐQT: Chỉ đạo chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị; Trực tiếp phụ trách công tác chiến lược và công tác tổ chức nhân sự.

  + Ông Lê Văn Năm - Thành viên HĐQT/TGĐ: Chỉ đạo điều hành toàn bộ hoạt động Ban Tổng giám đốc; Phụ trách mảng công bố thông tin; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + Ông Trần Thanh Văn - Thành viên HĐQT/TGĐ: Hỗ trợ xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển trung dài hạn của công ty; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + Ông Nguyễn Văn Chung - Thành viên HĐQT: Phụ trách công tác đầu tư xây dựng; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao.

  + Ông Shinichiro Ota - Thành viên HĐQT: Hỗ trợ công ty trong việc phát triển khách hàng Nhật Bản tại Việt Nam và các nước trong khu vực; Phụ trách phát triển bền vững,

công tác môi trường; Thực hiện các nhiệm vụ khác do Hội đồng quản trị giao

- Trong năm 2022, HĐQT tổ chức họp định kỳ hàng quý cụ thể: HĐQT đã tổ chức bốn (09) cuộc họp và đã ban hành 37 Nghị quyết, Quyết định đã kịp thời đưa ra các chỉ đạo quản trị phù hợp với nhu cầu diễn biến của sản xuất, kinh doanh và đầu tư phát triển; Rà soát, kiện toàn công tác nhân sự theo quy định.

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Lê Hoàng	9/9	100%
2	Ông Lê Văn Năm	9/9	100%
3	Ông Nguyễn Văn Chung	9/9	100%
4	Ông Nguyễn Quốc Việt	5/5	100%
5	Ông Trần Thanh Văn	4/4	100%
6	Ông Shinichiro Ota	5/5	100%

Về mối quan hệ với cổ đông và công bố thông tin: HĐQT tuân thủ đúng Quy chế quản trị theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đối với các công ty niêm yết; thực hiện đúng quy định việc công bố thông tin định kỳ, thường niên cũng như các thông tin bất thường cho các cổ đông trên trang Website Công ty, UBCKNN, Sở GDCK HCM. Tuy nhiên, PINACO cũng giống như mô hình một số các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay cũng đang gặp vướng mắc như chưa có thành viên HĐQT độc lập, Công ty sẽ xem xét, hoàn thiện trong thời gian tới.

Về thực hiện phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức: Thực hiện đúng theo Nghị quyết đã được Đại Hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua về phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và phương án chi trả cổ tức năm (HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành tạm ứng cổ tức năm 2022 là 10% cho các cổ đông hiện hữu bằng tiền mặt).

Việc trả tiền lương, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Ban giám đốc thực hiện theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đề ra và quy định của Công ty, cụ thể chi tiết như sau:

THÙ LAO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ		
Họ và tên	**Chức vụ**	**Số tiền**
Ông Lê Hoàng	CT.HĐQT	108.000.000
Ông Lê Văn Năm	TV.HĐQT	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	TV.HĐQT	72.000.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	TV.HĐQT	48.000.000
Ông Trần Thanh Văn	TV.HĐQT	24.000.000
TỔNG CỘNG		**324.000.000**

THÙ LAO BAN KIỂM SOÁT		
Họ và tên	**Chức vụ**	**Số tiền**
Bà Vũ Thị Mai Nhung	TV. BKS	48.000.000
Bà Phan Thị Hoàng Giang	TV.BKS	32.000.000
Bà Trần Thị Kiều Ly	TV. BKS	16.000.000
TỔNG CỘNG		**96.000.000**
Lương, phụ cấp Tổng Giám đốc		**748.800.000**
Lương, phụ cấp HĐQT, BKS, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng		**1.827.926.021**

Các nội dung khác:

HĐQT đã thực hiện tốt việc phối hợp, kịp thời cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin… theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ của mình trong quản lý điều hành doanh nghiệp.

Công tác đoàn thể: HĐQT tạo điều kiện để các hoạt động của Đảng ủy, Công đoàn, Đoàn Thanh niên… đóng góp tích cực trong việc động viên cán bộ công nhân viên tích cực thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực; phát huy truyền thống, văn hoá doanh nghiệp của PINACO.

2. Báo cáo Ban kiểm soát

2.1 Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Ban Kiểm Soát gồm 03 (ba) thành viên, gồm 01 Trưởng ban và 02 thành viên *(Đính kèm Phụ lục 1 – Cơ cấu Ban kiểm soát Công ty).*

Trong năm 2022, BKS đã tổ chức 07 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên *(Đính kèm Phụ lục 2 – Chi tiết các cuộc họp của Ban kiểm soát).*

Với tư cách là đại diện cổ đông thực hiện công tác kiểm tra, giám sát và kiến nghị những thay đổi cần thiết trong các lĩnh vực quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị doanh nghiệp tại Công ty. Trong năm 2022, hoạt động của BKS bao gồm:

1. Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc Công ty.

2. Giám sát tình hình triển khai kế hoạch kinh doanh của Công ty.

3. Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của Hội đồng quản trị (HĐQT) trong năm 2022.

4. Giám sát tình hình tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy trình nội bộ của Công ty cũng như tính hợp lý trong việc điều hành kinh doanh và phân bổ nguồn lực để triển khai các kế hoạch kinh doanh của Công ty.

5. Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.

6. Giám sát việc chi trả lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của những người quản

lý Công ty phù hợp với kế hoạch đã được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và thực tế công việc.

7. Giám sát tình hình tài chính, kế toán của Công Ty. Thẩm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng và cả năm nhằm đánh giá tính hợp pháp, đầy đủ và trung thực của các số liệu tài chính.

8. Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện: Quy chế tài chính, Quy định nội bộ về quản trị Công ty, việc phân chia lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

2.2. Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát năm 2022

2.2.1. Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và tài chính Công ty

a) Kết quả một số chỉ tiêu kinh doanh năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng/Giảm	%
Doanh thu bán hàng	3.531	3.836	305	108,6 %
Các khoản giảm trừ	482	437	(45)	90,7 %
Doanh thu thuần	3.049	3.399	350	111,5 %
Giá vốn hàng bán	2.602	2.915	314	112,1 %
Lợi nhuận gộp	447	483	36	108,2 %
Doanh thu HĐ tài chính	71	66	(5)	93,4 %
Chi phí HĐ tài chính	53	94	42	179,7 %
Chi phí bán hàng	207	191	(16)	92,4 %
Chi phí QLDN	52	62	11	120,5 %
Lợi nhuần thuần	206	201	(5)	97,6 %
Kết quả HĐ khác	16	(0,34)	(16)	(2,1) %
Lợi nhuận trước thuế	222	201	(21)	90,4 %
Lợi nhuận sau thuế	174	158	(16)	90,9 %

b) Các chỉ tiêu thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2022

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	Tăng/Giảm	%
Doanh thu bán hàng	3.780	3.836	56	101,5 %
Lợi nhuận trước thuế	195	201	6	103,1 %
Tỷ lệ chi trả cổ tức	15%	-	-	-

Năm 2022, Công ty đã hoàn thành vượt kế hoạch về chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận so với kế hoạch được giao tại Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên 2022.

Để đạt được những kết quả kinh doanh nêu trên trong điều kiện khó khăn của nền kinh tế, nhất là trong những tháng cuối năm 2022 (biến động tăng giá NVL, tăng lãi suất vay, cạnh tranh với các sản phẩm ngoại nhập trên thị trường…) Công ty đã thực hiện hàng loạt cải cách nhằm tăng hiệu quả hoạt động như thay đổi cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả, ứng dụng hiệu quả công nghệ vào quản lý sản xuất và điều hành doanh nghiệp. Công ty tập trung vào đẩy mạnh sản xuất, kinh doanh các dòng sản phẩm thế mạnh tăng độ phủ thị trường, tăng doanh thu đồng thời tiến hành nghiên cứu và kinh doanh các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng nhu cầu phong phú của thị trường.

Công ty đã tạm ứng đợt 1 (cho năm tài chính 2022) cho cổ đông vào ngày 14/02/2023 với tỷ lệ 10%.

c) Kết quả giám sát hoạt động tài chính, kế toán Công ty

- Trong năm qua, công tác kế toán như ghi chép, lưu trữ chứng từ và lập sổ sách kế toán được thực hiện phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan, phản ánh tình hình tài chính của Công ty ổn định, trung thực.

- Công ty đã lập và công bố Báo cáo tài chính định kỳ phù hợp với các quy định của pháp luật đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính bán niên và Báo cáo tài chính năm được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán KPMG theo đúng quy định hiện hành.

- Báo cáo tài chính năm 2022 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

- Công ty đã thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm bảo toàn vốn gắn liền với hoạt động sản xuất kinh doanh: Thực hiện đúng chế độ quản lý sử dụng vốn, phân phối lợi nhuận, chế độ tài chính, chế độ kế toán theo quy định của pháp luật; Mua bảo hiểm đầy đủ cho các tài sản thuộc sở hữu của Công ty theo quy định; Trích lập đầy đủ các khoản dự phòng bao gồm dự phòng nợ phải thu khó đòi, dự phòng giảm giá hàng tồn kho…

2.2.2 Kết quả giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022

- Lựa chọn đơn vị kiểm toán: Công ty đã lựa chọn Công ty TNHH KPMG Việt Nam làm đơn vị Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2022.

- Các thù lao, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát Công đã được chi trả theo Nghị quyết ĐHĐCĐ 2022 cụ thể như sau:

+ **Chủ tịch HĐQT:** 108.000.000 đồng/năm.

+ **Thành viên HĐQT:** 216.000.000 đồng/năm.

+ **Thành viên BKS:** 96.000.000 đồng/năm.

Lương, phụ cấp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty là: 2.576.726.021 đồng.

- Thực hiện phân phối lợi nhuận Công ty đã thực hiện đúng chủ trương đã được thông qua tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2022: phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ.

- Chi trả cổ tức : Công ty đã chi trả cổ tức đợt 1 của năm 2022 vào ngày 14/2/2023 với tỷ lệ chi trả cổ tức là 10%, tổng số tiền đã chi trả là 46.471.707.000 đồng.

2.2.3 Giám sát các giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty.

- Không có các phát sinh giao dịch giữa Công ty với thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan.

- Có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa với các công ty trong cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam như : Công ty CP Hóa chất cơ bản miền Nam, Công ty CP Phân bón Miền Nam, Công ty CP Hơi Kỹ nghệ que hàn và các giao dịch này đều thực hiện minh bạch, công bố thông tin theo quy định.

- Tình hình nợ phải trả tính đến 31/12/2022 đối với các Công ty trên như sau :

	Đvt	Năm 2021	Năm 2022
Cty CP Phân bón MN	Đồng	1.307.389.600	1.019.112.600
Cty CP Hóa chất cơ bản MN	Đồng	1.894.362.800	242.857.440
Cty CP Hơi kỹ nghệ que hàn	Đồng	38.021.500	8.856.000
Tổng cộng		**3.239.773.900**	**1.270.826.040**

2.2.4 Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty

Trong năm 2022, BKS đã phối hợp Bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty đã tiến hành hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch kiểm toán năm 2022 với các nội dung kiểm toán bao gồm: Kiểm tra hoạt động đấu thầu; đánh giá việc tuân thủ các chính sách pháp luật đối với việc chi trả chiết khấu thương mại; kiểm tra chi phí vận chuyển, kiểm tra hoạt động quảng cáo… Qua quá trình rà soát, có những điểm thực hiện tốt, tuy nhiên cũng có một số điểm thay đổi để đáp ứng kế hoạch phát triển trong tương lai. Ban điều hành đã triển khai ngay các kế hoạch hành động để thay đổi kịp thời.

Ban Kiểm soát nhận thấy Công ty đã thực hiện nghiêm ngặt công tác quản trị rủi ro, kiểm toán nội bộ và tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ, Quy chế nội bộ của Công ty và việc thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật. Trong năm qua, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý Công ty đã thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của mình và tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

2.2.5 Kết quả giám sát đối với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty

a) Đối với Hội đồng quản trị Công ty :

Hội đồng Quản trị đã đưa ra những định hướng phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển trung – dài hạn phù hợp, triển khai thực hiện đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022.

Trong năm 2022, HĐQT đã thực hiện đầy đủ vai trò, trách nhiệm trong chỉ đạo/quản lý/ điều hành, kiểm tra/giám sát hoạt động của Ban điều hành Công ty. HĐQT đã chỉ đạo xây dựng và phê duyệt các kế hoạch, nghị quyết, quyết định quan trọng với các chương trình, giải pháp cụ thể và tập trung chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ với quyết tâm cao.

Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp (định kỳ hàng quý và đột xuất) để đánh giá kết quả hoạt động SXKD, đề ra các giải pháp nhằm hoàn thành kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua; xem xét thông qua các đề xuất và xử lý kiến nghị của Ban điều hành liên quan đến hoạt động SXKD của Công ty. Các thành viên Ban kiểm soát đều được mời tham gia và đóng góp ý kiến tại các cuộc họp của HĐQT.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, trong năm 2022, HĐQT đã ban hành 36 Nghị quyết, quyết định. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT được ban hành phù hợp với điều kiện thực tế, đáp ứng được yêu cầu SXKD của Công ty.

Hội đồng quản trị luôn hỗ trợ, phối hợp với Ban điều hành trong việc triển khai thực hiện các nhiệm vụ của Công ty. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định, văn bản chỉ đạo của HĐQT về cơ bản được triển khai kịp thời, tuân thủ phân cấp của Công ty và những ý kiến/yêu cầu của các thành viên HĐQT.

b) Đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành:

Tổng Giám đốc thường xuyên tổ chức họp thảo luận tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và trên cơ sở chỉ đạo kịp thời của Hội đồng Quản trị đã quyết định các phương án sản xuất, kinh doanh phù hợp với thực tiễn, nhằm triển khai thực hiện các quyết định, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

Trong hoạt động quản lý điều hành không ghi nhận từ các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng về sự vi phạm hay sai sót trọng yếu.

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

2.2.6 Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám Đốc

Trong năm 2022, Ban kiểm soát thường xuyên nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ phía Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và được tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình, thông qua việc được cung cấp đầy đủ tài liệu, thông tin liên quan đến tình hình quản trị Công ty, các hoạt động kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty.

Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Tổng Giám Đốc trong công tác kiểm tra, giám sát tại trụ sở chính cũng như tại các đơn vị trực thuộc của Công ty (xí nghiệp, chi nhánh) để có những biện pháp xử lý kịp thời những vấn đề tồn tại nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, đảm bảo tuân thủ đúng và đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật.

Trong năm 2022, BKS không nhận được ý kiến, kiến nghị nào từ cơ quan quản lý Nhà nước cũng như các cổ đông.

2.3 Các kiến nghị của Ban kiểm soát:

1. Công ty cần triển khai nhanh việc sửa đổi, bổ sung Quy chế bán hàng cho phù hợp với quy định pháp luật về chi trả các khoản chiết khấu thương mại, khuyến mãi, chi phí bán hàng… đã được quy định tại Luật Thương mại năm 2019, Luật thuế GTGT năm 2008 (sửa đổi bổ sung tại Luật số 31 năm 2013, Luật số 71 năm 2014 và Luật số 106 năm 2016).

2. Phòng Kế toán – Tài Chính chấn chỉnh, khắc phục những sai sót trong hạch toán kế toán, kê khai, nộp thuế và quyết toán toán thuế theo đúng quy định của pháp luật Thuế, pháp luật kế toán theo Theo kết luận số 486/KL-CT ngày 21/9/2022 của Cục Thuế TP.HCM và Thông báo số 56139/TB-CNHN-TTKT9 ngày 18/11/2022 của Cục Thuế TP. Hà Nội.

* Theo kết luận số 486/KL-CT ngày 21/9/2022 của Cục Thuế TP.HCM, Công ty CP Pin Ắc quy Miền Nam phải thực hiện :

- Nộp số tiền 3.398.800.520 đồng, bao gồm số thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp
- Giảm khấu trừ thuế GTGT với số tiền 9.138.329.778 đồng.

* Theo Thông báo số 56139/TB-CNHN-TTKT9 ngày 18/11/2022 về việc công bố Biên bản kiểm tra Thuế của Cục Thuế TP. Hà Nội, Chi nhánh PINACO Hà Nội phải thực hiện:

- Nộp số tiền phạt vi phạm hành chính về Thuế là: 16.400.000 đồng
- Giảm khấu trừ thuế GTGT với số tiền 1.876.152.367 đồng.

(Các văn bản trên của Cục Thuế TP.HCM và Cục Thuế TP. Hà Nội đã được công bố thông tin theo đúng quy định pháp luật về công bố thông tin)

3. Công ty xây dựng kế hoạch thoái vốn và xem xét, đẩy nhanh tiến độ xử lý việc thoái vốn khỏi Công ty BĐS Thịnh Phát ra khỏi lĩnh vực bất động sản theo nội dung Nghị quyết số 09/NQ-CP ngày 27/09/2011 của Chính phủ và văn bản số 1202/HCVN-ĐTXD ngày 11/07/2018 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam.

4. Xây dựng và ban hành Quy định tiêu chí đánh giá và lựa chọn các tổ chức tín dụng để gửi tiền nhằm đảm bảo an toàn về vốn theo Biên bản kiểm toán Nhà Nước 2018.

5. Tiếp tục rà soát, cập nhật nhằm hoàn thiện các quy chế hiện hành phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và tình hình thực tế hiện nay của Công ty như : Sửa đổi Quy chế đầu tư XDCB, bổ sung Quy chế quản lý, sử dụng đất và tài sản.

6. Ban kiểm toán nội bộ duy trì việc kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót rủi ro về mặt chi phí/ pháp lý (nếu có).

2. Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí,… đảm bảo tồn kho hợp lý; duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như: Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất…, chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm,… qua đó đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

7. Ban điều hành Công ty cần xem xét, cân nhắc và cơ cấu lại khoản mục tài sản ngắn hạn,

vay ngắn hạn, vay dài hạn để đảm bảo tỷ lệ Nợ phải trả/ Vốn Chủ sở hữu giảm cũng như tăng tính thanh khoản của tài sản ngắn hạn nhằm tránh áp lực phải vay trung dài hạn nhiều làm chi phí lãi vay tăng cao.

8. Công ty cần xây dựng các biện pháp quản lý, kiểm soát hiệu quả đối với khoản công nợ phải thu cho đối tượng là khách hàng OEM và khách hàng xuất khẩu nhằm hạn chế công nợ quá hạn, tránh nợ khó đòi hoặc mất khả năng thu hồi nợ, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của BKS và kế hoạch hoạt động năm 2023 của Công ty, Ban kiểm soát xây dựng kế hoạch hoạt động trọng tâm năm 2023 như sau: *(Đính kèm Phụ lục 3 – Kế hoạch kiểm soát năm 2023)*

1. Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra/giám sát các hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty nhằm đảm bảo tính tuân thủ theo quy định của pháp luật.

2. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của các báo cáo tài chính và báo cáo hoạt động của Công ty.

3. Rà soát các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người liên quan của Công ty để đưa ra khuyến nghị về thẩm quyền phê duyệt các hợp đồng, giao dịch này.

4. Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người quản lý, điều hành khác của Công ty.

5. Thực hiện vai trò, nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của Điều lệ và Nghị quyết của ĐHĐCĐ (nếu có).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 03 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
Người đại diện theo pháp luật
TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300405462 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

LÊ VĂN NĂM

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	4103002690	ngày 23 tháng 9 năm 2004
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 17) ngày 30 tháng 1 năm 2020. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Lê Hoàng	Chủ tịch
	Ông Lê Văn Năm	Thành viên
	Ông Nguyễn Văn Chung	Thành viên
	Ông Nguyễn Quốc Việt	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Ông Trần Thanh Văn	Thành viên (từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Ông Shinichiro Ota	Thành viên (đã mất ngày 4 tháng 5 năm 2022)
Ban Kiểm soát	Ông Tạ Duy Linh	Trưởng Ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng Ban Kiểm soát (từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Bà Phan Thị Hoàng Giang	Thành viên (bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên (từ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2022)
	Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên
Ban Giám đốc	Ông Lê Văn Năm	Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Điền Phước Chân	Phó Tổng Giám đốc Kỹ thuật-Sản xuất
	Ông Nguyễn Duy Hưng	Phó Tổng Giám đốc Tài chính
Trụ sở đăng ký	321 Trần Hưng Đạo Phường Cô Giang, Quận 1 Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc

M.S.D.N:0300405462-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM QUẬN 1 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lê Văn Năm
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2023

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 2 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 40 của báo cáo tài chính trong đó trình bày rằng số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 đã được trình bày lại. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không thay đổi do vấn đề này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00296-23-1

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KPMG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 3 năm 2023

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**1.663.689.832.459**	**1.798.363.417.999**
Tiền	**110**	**4**	**113.688.426.865**	**119.156.485.767**
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**542.000.000.000**	**789.800.000.000**
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5	542.000.000.000	789.800.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**154.023.035.572**	**175.693.822.001**
Phải thu của khách hàng	131	6	104.918.312.223	68.722.168.690
Trả trước cho người bán	132	7	15.283.671.749	32.864.678.654
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	35.206.209.646	75.311.660.503
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.385.348.860)	(1.204.876.660)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		190.814	190.814
Hàng tồn kho	**140**	**10**	**759.923.693.703**	**673.628.923.742**
Hàng tồn kho	141		762.361.766.819	676.718.983.293
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.438.073.116)	(3.090.059.551)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**94.054.676.319**	**40.084.186.489**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.619.881.612	5.387.686.796
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	19(b)	86.434.794.707	34.696.499.693

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	**200**		**752.255.795.783**	**670.271.974.529**
Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**6.446.607.832**	**5.086.221.300**
Phải thu dài hạn khác	216		6.446.607.832	5.086.221.300
Tài sản cố định	**220**		**578.088.698.162**	**548.216.240.777**
Tài sản cố định hữu hình	221	11	316.002.424.473	321.609.715.850
Nguyên giá	222		*1.214.104.002.773*	*1.146.176.877.563*
Giá trị hao mòn lũy kế	223		*(898.101.578.300)*	*(824.567.161.713)*
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	12	58.657.025.451	17.465.218.180
Nguyên giá	225		*67.293.743.316*	*20.168.098.671*
Giá trị hao mòn lũy kế	226		*(8.636.717.865)*	*(2.702.880.491)*
Tài sản cố định vô hình	227	13	203.429.248.238	209.141.306.747
Nguyên giá	228		*263.190.870.706*	*263.190.870.706*
Giá trị hao mòn lũy kế	229		*(59.761.622.468)*	*(54.049.563.959)*
Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**85.392.592.894**	**36.108.430.868**
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	85.392.592.894	36.108.430.868
Đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**32.500.000.000**	**32.500.000.000**
Đầu tư vào công ty liên kết	252	15	32.500.000.000	32.500.000.000
Tài sản dài hạn khác	**260**		**49.827.896.895**	**48.361.081.584**
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	13.255.953.059	12.844.522.097
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	3.267.024.817	3.498.887.617
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	10	33.304.919.019	32.017.671.870
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**2.415.945.628.242**	**2.468.635.392.528**

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**1.491.342.025.915**	**1.614.497.191.637**
Nợ ngắn hạn	**310**		**1.445.858.597.895**	**1.546.840.929.941**
Phải trả người bán	311	18	85.737.159.850	153.936.425.775
Người mua trả tiền trước	312		42.583.110.537	61.194.955.414
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19(a)	4.016.454.272	16.713.208.488
Phải trả người lao động	314		104.320.991.505	122.565.361.286
Chi phí phải trả	315	20	19.468.155.376	21.276.621.132
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	5.677.998.486	6.320.983.118
Vay ngắn hạn	320	22(a)	1.149.448.452.161	1.139.839.918.220
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	9.220.293.701	10.324.167.290
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	24	25.385.982.007	14.669.289.218
Nợ dài hạn	**330**		**45.483.428.020**	**67.656.261.696**
Phải trả dài hạn khác	337		1.409.600.000	1.502.680.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22(b)	44.073.828.020	66.153.581.696
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**924.603.602.327**	**854.138.200.891**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**25**	**924.603.602.327**	**854.138.200.891**
Vốn cổ phần	411	26	464.717.070.000	464.717.070.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*464.717.070.000*	*464.717.070.000*
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.584.699.224	1.584.699.224
Quỹ đầu tư phát triển	418		311.688.100.054	224.774.617.112
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		146.613.733.049	163.061.814.555
- Lỗ lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*(11.317.625.475)*	*(10.765.151.328)*
- LNST chưa phân phối năm nay	*421b*		*157.931.358.524*	*173.826.965.883*
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**2.415.945.628.242**	**2.468.635.392.528**

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:	
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng		Lê Văn Năm
Phụ trách Kế toán – Tài chính	*Phó Tổng Giám đốc*		*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
Doanh thu bán hàng	**01**	**29**	**3.835.776.645.881**	**3.530.513.437.533**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**	**29**	**437.078.675.570**	**481.995.781.412**
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	**10**	**29**	**3.398.697.970.311**	**3.048.517.656.121**
Giá vốn hàng bán	**11**	**30**	**2.915.429.396.392**	**2.601.727.111.866**
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**483.268.573.919**	**446.790.544.255**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	66.015.175.783	70.659.529.478
Chi phí tài chính	22	32	94.415.862.380	52.525.772.125
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		*53.135.288.168*	*45.932.294.698*
Chi phí bán hàng	25	33	190.997.609.265	206.746.841.301
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	34	62.486.634.292	51.876.337.690
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**201.383.643.765**	**206.301.122.617**
Thu nhập khác	31	35	915.391.999	16.253.083.711
Chi phí khác	32		1.259.488.316	142.584.204
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(344.096.317)**	**16.110.499.507**
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**201.039.547.448**	**222.411.622.124**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**37**	**42.876.326.124**	**48.332.684.168**
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	**52**	**37**	**231.862.800**	**251.972.073**
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**157.931.358.524**	**173.826.965.883**
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**38**	**3.059**	**3.366**

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phụ trách Kế toán – Tài chính	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**201.039.547.448**	**222.411.622.124**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		91.247.974.734	82.467.772.387
Các khoản dự phòng	03		13.406.970.732	16.213.098.122
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.042.177.144	525.809.626
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(53.921.218.403)	(58.842.989.808)
Chi phí lãi vay	06		53.135.288.168	45.932.294.698
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**306.950.739.823**	**308.707.607.149**
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(14.809.422.815)	17.444.327.058
Biến động hàng tồn kho	10		(86.930.030.675)	15.226.929.836
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(107.759.794.082)	(13.369.044.172)
Biến động chi phí trả trước	12		(2.643.625.778)	5.613.669.746
			94.807.866.473	**333.623.489.617**
Tiền lãi vay đã trả	14		(52.761.555.243)	(46.578.769.904)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(55.970.440.271)	(39.381.559.143)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(7.041.703.799)	(5.278.865.218)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**(20.965.832.840)**	**242.384.295.352**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định	21		(202.537.682.385)	(99.525.308.212)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		62.763.937	266.428.932
Tiền chi gửi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	23		(629.800.000.000)	(760.914.528.953)
Tiền thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính	24		889.800.000.000	673.414.529.083
Tiền thu lãi tiền gửi	27		44.815.299.671	26.196.849.725
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**102.340.381.223**	**(160.562.029.425)**

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Code	Note	2022 VND	2021 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.779.383.228.580	2.565.160.567.698
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(2.788.015.513.057)	(2.649.302.230.590)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(8.207.431.806)	(4.108.446.058)
Tiền trả cổ tức	36		(69.706.145.475)	(23.235.853.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		**(86.545.861.758)**	**(111.485.962.450)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		**(5.171.313.375)**	**(29.663.696.523)**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		**119.156.485.767**	**149.345.138.970**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61		**(296.745.527)**	**(524.956.680)**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	**113.688.426.865**	**119.156.485.767**

Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2022 VND	2021 VND
Mua sắm tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác nhưng chưa thanh toán	32.429.629.919	44.778.989.284
Thu nhập lãi tiền gửi của các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và công ty tài chính nhập gốc	12.200.000.000	28.885.471.177

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:	Người duyệt:	
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phụ trách Kế toán – Tài chính	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Pin Ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước với mã cổ phiếu là PAC.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có 1 công ty liên kết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Địa chỉ	Phần trăm lợi ích kinh tế	
			31/12/2022	1/1/2022
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng.	752 Hậu Giang, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh	26,00%	26,00%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, Công ty có trụ sở đăng ký tại Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh; 2 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng và 3 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 1 xí nghiệp sản xuất pin tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đồng Nai.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1.339 nhân viên (1/1/2022: 1.229 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và công ty tài chính. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà khách hàng khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	2 – 12 năm
▪ phương tiện vận tải	6 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 10 năm
▪ tài sản khác	4 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(iii) Tài sản khác

Nguyên giá của tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Khấu hao không được tính cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Chi phí trả trước dài hạn khác

Chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm chi phí quảng cáo và các chi phí khác phát sinh nhằm phục vụ cho hoạt động bán hàng của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(j) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn là thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được sử dụng cho sản xuất của doanh nghiệp. Trị giá của thiết bị, phụ tùng thay thế dài hạn khi xuất dùng được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn của Công ty được trích lập theo quy định kế toán hiện hành và được ghi giảm với giá gốc của các thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn này. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn lỗi thời, hư hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(k) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng, trừ những khoản được định nghĩa ở các chính sách kế toán khác, được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả cho nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Dự phòng về chi phí bảo hành của Công ty liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về trung bình tỷ lệ số lượng sản phẩm bảo hành trên tổng số lượng sản phẩm bán ra qua các năm và chi phí bảo hành trung bình cho một sản phẩm.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được dành riêng để chi trả tiền thưởng và các phúc lợi khác cho nhân viên Công ty.

(o) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(p) Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế vào mỗi năm theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(q) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Theo ý kiến của Ban Giám đốc, Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh. Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong năm, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(s) Thuê

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có cổ phiếu suy giảm giá trị tiềm ẩn.

Lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi.

(v) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

(w) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Tiền mặt	2.685.788.481	1.295.057.121
Tiền gửi ngân hàng	111.002.638.384	117.861.428.646
	113.688.426.865	119.156.485.767

5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng và các công ty tài chính có thời gian đáo hạn trên ba tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại dưới một năm kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm và hưởng lãi suất năm dao động từ 6,75% đến 7,25% (2021: 6,0% đến 7,75%).

6. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	16.311.737.371	1.626.961.651
Công ty TNHH Ắc quy Vĩnh Phúc	11.972.931.840	8.871.420.800
Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Du lịch Trường Hải	11.839.966.560	6.241.605.040
Công ty Cổ phần Sản xuất Ôtô Hyundai Thành Công VN	8.406.330.120	3.566.310.000
Công ty TNHH Ắc quy Thái Yến	5.018.282.483	1.451.565.069
Faith Chemical Enterprises	4.904.002.883	5.644.511.522
Các khách hàng khác	46.465.060.966	41.319.794.608
	104.918.312.223	68.722.168.690

7. Trả trước cho người bán

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Công ty TNHH Thường mại & Dịch vụ Sinh Thịnh	1.333.800.000	1.160.074.640
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Phú Gia	1.128.971.952	43.013.891
Công ty Cổ phần Kim Loại Màu Thái Nguyên	961.064.673	2.033.765.384
Công ty TNHH Việt Hồng	912.088.320	773.893.120
Yixing Ze Environmental	905.337.500	3.455.377.100
Các nhà cung cấp khác	10.042.409.304	25.398.554.519
	15.283.671.749	32.864.678.654

8. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trả trước cho thuê tài chính	5.606.868.901	42.185.458.023
Phải thu lãi tiền gửi	27.272.123.289	30.428.968.494
Tạm ứng cho nhân viên	2.317.781.598	1.869.208.543
Phải thu khác	9.435.858	828.025.443
	35.206.209.646	75.311.660.503

9. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	2.147.756.771	(644.327.030)	1.503.429.741
Công Ty Cổ Phần Việt Nam Motors Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.443.161.910	(626.069.830)	817.092.080
		3.705.870.681	(1.385.348.860)	2.320.521.821

Ngày 1 tháng 1 năm 2022	Quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi:				
Faith Chemical Enterprises	Từ 6 tháng đến 1 năm	1.229.693.637	(368.908.091)	860.785.546
Công ty Cổ phần Ô tô Cần Thơ	Trên 3 năm	114.952.000	(114.952.000)	-
Các khách hàng khác	Từ 6 tháng trở lên	1.902.635.946	(721.016.569)	1.181.619.377
		3.247.281.583	(1.204.876.660)	2.042.404.923

Biến động trong năm của dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	1.204.876.660	1.436.551.094
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	180.472.200	(231.674.434)
Số dư cuối năm	1.385.348.860	1.204.876.660

10. Hàng tồn kho và thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	19.378.803.450	-	37.171.335.453	-
Nguyên vật liệu	235.292.755.559	-	282.185.254.080	-
Công cụ và dụng cụ	12.856.978.717	-	7.651.949.738	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	165.370.125.540	-	147.015.198.355	-
Thành phẩm	329.460.692.822	(2.438.073.116)	198.425.998.170	(3.090.059.551)
Hàng hóa	2.410.731	-	9.307.193	-
Hàng hóa ký gửi	-	-	4.259.940.304	-
Hàng tồn kho	762.361.766.819	(2.438.073.116)	676.718.983.293	(3.090.059.551)
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	33.304.919.019	-	32.017.671.870	-

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	3.090.059.551	2.872.847.353
Số (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(651.986.435)	217.212.198
Số dư cuối năm	2.438.073.116	3.090.059.551

14. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	202.071.754.226	894.235.241.462	33.665.240.692	13.301.063.629	2.903.577.554	1.146.176.877.563
Mua sắm trong năm	342.858.000	5.505.229.229	205.000.000	125.152.654	649.653.636	6.827.893.519
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	8.456.691.064	56.977.794.891	1.472.150.000	-	260.258.000	67.166.893.955
Thanh lý trong năm	-	(5.803.704.307)	-	(263.957.957)	-	(6.067.662.264)
Số dư cuối năm	210.871.303.290	950.914.561.275	35.342.390.692	13.162.258.326	3.813.489.190	1.214.104.002.773
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	119.842.797.781	665.623.097.160	24.855.116.945	11.699.472.600	2.546.677.227	824.567.161.713
Khấu hao trong năm	12.652.570.948	63.481.576.869	2.588.856.492	588.222.398	290.852.144	79.602.078.851
Thanh lý trong năm	-	(5.803.704.307)	-	(263.957.957)	-	(6.067.662.264)
Số dư cuối năm	132.495.368.729	723.300.969.722	27.443.973.437	12.023.737.041	2.837.529.371	898.101.578.300
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	82.228.956.445	228.612.144.302	8.810.123.747	1.601.591.029	356.900.327	321.609.715.850
Số dư cuối năm	78.375.934.561	227.613.591.553	7.898.417.255	1.138.521.285	975.959.819	316.002.424.473

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá là 540.414 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 511.032 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 25.901 triệu VND (1/1/2022: 30.684 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

12. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	19.172.487.526	995.611.145	20.168.098.671
Tăng trong năm	47.125.644.645	-	47.125.644.645
Số dư cuối năm	66.298.132.171	995.611.145	67.293.743.316
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.573.329.219	129.551.272	2.702.880.491
Khấu hao trong năm	5.809.385.981	124.451.393	5.933.837.374
Số dư cuối năm	8.382.715.200	254.002.665	8.636.717.865
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	16.599.158.307	866.059.873	17.465.218.180
Số dư cuối năm	57.915.416.971	741.608.480	58.657.025.451

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (Thuyết minh 22).

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	247.954.936.198	10.017.155.852	5.218.778.656	263.190.870.706
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	39.003.296.492	9.827.488.811	5.218.778.656	54.049.563.959
Khấu hao trong năm	5.572.058.509	140.000.000	-	5.712.058.509
Số dư cuối năm	44.575.355.001	9.967.488.811	5.218.778.656	59.761.622.468
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	208.951.639.706	189.667.041	-	209.141.306.747
Số dư cuối năm	203.379.581.197	49.667.041	-	203.429.248.238

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá là 14.815 triệu VND đã khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 14.815 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản vô định vô hình với giá trị còn lại là 16.255 triệu VND (1/1/2022: 16.798 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 22).

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	36.108.430.868	40.255.912.553
Mua sắm trong năm	116.451.055.981	65.089.145.569
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(67.166.893.955)	(69.236.627.254)
Số dư cuối năm	85.392.592.894	36.108.430.868

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Máy móc và thiết bị	83.577.406.640	28.813.437.039
Các công trình khác	1.815.186.254	7.294.993.829
	85.392.592.894	36.108.430.868

15. Đầu tư vào công ty liên kết

	31/12/2022		1/1/2022	
	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND	% vốn chủ sở hữu	Giá gốc VND
Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát	26,0%	32.500.000.000	26,0%	32.500.000.000

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư góp vốn và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	4.518.473.372	8.326.048.725	12.844.522.097
Tăng trong năm	2.342.287.185	7.598.958.825	9.941.246.010
Phân bổ trong năm	(3.032.959.894)	(6.496.855.154)	(9.529.815.048)
Số dư cuối năm	3.827.800.663	9.428.152.396	13.255.953.059

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Thuế suất	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Dự phòng bảo hành	20%	1.844.058.740	2.064.833.459
Chi phí phải trả	20%	874.320.075	678.540.440
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	20%	487.614.623	618.011.910
Chênh lệch tỷ giá	20%	61.031.379	137.501.808
		3.267.024.817	3.498.887.617

18. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Tân Phú Việt Nam	12.114.153.165	17.902.003.560
Thai United Industry Company Ltd.	8.258.457.411	21.958.979.120
Guangxi Guiliu New Material Co., Ltd	7.942.178.800	7.998.236.200
Baoding Golden Sunlight Power	6.216.131.550	14.562.900
Công ty TNHH Thye Ming Việt Nam	6.126.612.778	23.200.235.934
Các nhà cung cấp khác	45.079.626.146	82.862.408.061
	85.737.159.850	153.936.425.775

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND	1/1/2022 Giá gốc/số có khả năng trả nợ VND
Công ty Cổ phần Phân bón Miền Nam	1.019.112.600	1.307.389.600
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam	242.857.440	1.894.362.800
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ Nghệ Que Hàn	8.856.000	38.021.500

Các khoản phải trả cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 VND (Điều chỉnh lại)	Số phải nộp trong năm VND	Số cấn trừ trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	694.049.650.761	(533.193.295.489)	(160.856.355.272)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	18.846.981.405	42.876.326.124	-	(55.970.440.271)	5.752.867.258
Thuế thu nhập cá nhân	(559.678.532)	5.433.152.509	-	(5.186.204.266)	(312.730.289)
Phí thuê đất và các loại thuế khác	(1.574.094.385)	10.096.212.222	-	(9.945.800.534)	(1.423.682.697)
	16.713.208.488	752.455.341.616	(533.193.295.489)	(231.958.800.343)	4.016.454.272

(b) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2022 VND (Điều chỉnh lại)	Số phát sinh trong năm VND	Số cấn trừ trong năm VND	Số hoàn trả trong năm VND	31/12/2022 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	34.696.499.693	584.931.590.503	(533.193.295.489)	-	86.434.794.707

20. Chi phí phải trả

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Chi phí hỗ trợ bán hàng	8.719.947.592	16.612.291.210
Chi phí thuế bảo vệ môi trường	3.900.195.262	-
Chi phí vận chuyển	2.559.319.152	1.774.486.147
Chi phí lãi vay	2.143.328.953	1.769.596.028
Các khoản chi phí phải trả khác	2.145.364.417	1.120.247.747
	19.468.155.376	21.276.621.132

21. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Kinh phí công đoàn và bảo hiểm xã hội	393.590.571	1.964.195.980
Cổ tức	20.388.765	18.973.740
Tạm ứng dự án	3.000.000.000	3.000.000.000
Các khoản phải trả khác	2.264.019.150	1.337.813.398
	5.677.998.486	6.320.983.118

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Vay và nợ thuê tài chính

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm			31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay bên thứ ba	32.500.000.000	32.500.000.000	-	-	-	32.500.000.000	32.500.000.000
Vay ngân hàng	1.076.570.103.520	1.076.570.103.520	2.769.583.693.282	(2.765.315.513.057)	4.368.496.548	1.085.206.780.293	1.085.206.780.293
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 22(b))	30.769.814.700	30.769.814.700	31.879.288.974	(30.907.431.806)	-	31.741.671.868	31.741.671.868
	1.139.839.918.220	1.139.839.918.220	2.801.462.982.256	(2.796.222.944.863)	4.368.496.548	1.149.448.452.161	1.149.448.452.161

Vay bên thứ ba thể hiện khoản vay ngắn hạn, không đảm bảo và không chịu lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn vào Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát theo Hợp đồng vay tiền số: 01/HĐVT/VCR-PNC ngày 3 tháng 11 năm 2016 và phụ lục hợp đồng số: 01/2019/PLHĐ /VCR-PNC ngày 29 tháng 4 năm 2019. Theo phụ lục hợp đồng, khoản vay này đến hạn ngày 2 tháng 5 năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty chưa hoàn tất thỏa thuận gia hạn hợp đồng.

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngân hàng ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2022	Lãi suất năm 2021	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay ngân hàng không có đảm bảo					
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	VND	5,0%-7,8%	3,5%-4,0%	428.979.756.763	330.655.379.687
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam	USD	2,7%-3,7%	2,0%-3,25%	165.708.416.261	159.783.434.825
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	7,5%-8,4%	-	13.840.405.364	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	USD	3,0%-3,6%	2,0%-3,2%	200.489.630.558	122.402.553.147
Ngân hàng Siam Bank Việt Nam	VND	6,25%-8,5%	3,0%	91.487.827.799	102.070.477.804
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	5,2%-7,32%	3,0%	37.228.572.398	109.712.231.576
Ngân hàng Mayan Banking Berhad	VND	7,5%	2,9%-3,0%	36.440.736.689	71.703.758.867
Ngân hàng Mayan Banking Berhad	USD	4,7%	1,8%-2,0%	2.722.968.379	40.390.035.872
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	6,5%-7,4%	3,8%-4,3%	35.683.848.009	18.997.574.376
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam	USD	-	3,24%-3,33%	-	53.865.585.835
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	VND	5,4%	-	11.230.574.388	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	USD	3,2%	-	34.937.467.092	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	VND	5,5%-5,6%	-	26.456.576.593	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	USD	-	2,0%	-	20.757.854.864
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông	USD	-	2,60%	-	46.231.216.667
				1.085.206.780.293	1.076.570.103.520

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	75.815.499.888	96.923.396.396
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(31.741.671.868)	(30.769.814.700)
Vay và nợ thuê tài chính đến hạn trả sau 12 tháng	44.073.828.020	66.153.581.696

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm 2022	Lãi suất năm 2021	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (i)	VND	10,1%-10,2%	8,5%-9,0%	36.305.000.000	59.005.000.000
Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank (ii)	VND	7,7%-9,8%	7,7%-8,1%	39.510.499.888	37.918.396.396
				75.815.499.888	96.923.396.396

(i) Các khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 21 tờ bản đồ 67 Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai. Các tài sản này được ghi nhận ở tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 25.901 triệu VND và 16.255 triệu VND (1/1/2022: 30.684 triệu VND và 16.798 triệu VND) (Thuyết minh 11 và Thuyết minh 13).

(ii) Các khoản nợ thuê tài chính từ Công ty TNHH MTV Cho Thuê Tài Chính Vietcombank không có đảm bảo. Nợ gốc và lãi sẽ được thanh toán theo chu kỳ hàng tháng theo lịch trả nợ. Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/12/2022			1/1/2022		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Lãi VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	13.558.873.182	2.617.201.314	10.941.671.868	10.889.394.389	2.819.579.689	8.069.814.700
Trong vòng hai đến năm năm	33.069.397.877	4.500.569.857	28.568.828.020	34.541.250.052	4.692.668.356	29.848.581.696
	46.628.271.059	7.117.771.171	39.510.499.888	45.430.644.441	7.512.248.045	37.918.396.396

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Biến động của khoản dự phòng bảo hành trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	10.324.167.290	10.165.026.008
Số trích lập trong năm	14.058.957.167	16.227.560.358
Số sử dụng trong năm	(15.162.830.756)	(16.068.419.076)
Số dư cuối năm	9.220.293.701	10.324.167.290

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2022 VND	2021 VND
Số dư đầu năm	14.669.289.218	6.386.706.615
Số trích lập trong năm	17.758.396.588	13.561.447.821
Số sử dụng trong năm	(7.041.703.799)	(5.278.865.218)
Số dư cuối năm	25.385.982.007	14.669.289.218

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 (theo báo cáo trước đây)	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585
Sửa chữa sai sót (Thuyết minh 40)	-	-	-	(13.188.033.256)	(13.188.033.256)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 (điều chỉnh lại)	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	89.179.820.259	717.108.536.329
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	173.826.965.883	173.826.965.883
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	63.147.670.266	(63.147.670.266)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(13.561.447.821)	(13.561.447.821)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(23.235.853.500)	(23.235.853.500)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 (điều chỉnh lại)	464.717.070.000	1.584.699.224	224.774.617.112	163.061.814.555	854.138.200.891
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	157.931.358.524	157.931.358.524
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	86.913.482.942	(86.913.482.942)	-
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(17.758.396.588)	(17.758.396.588)
Cổ tức bằng tiền	-	-	-	(69.707.560.500)	(69.707.560.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	464.717.070.000	1.584.699.224	311.688.100.054	146.613.733.049	924.603.602.327

Trong năm, quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 241/PA-HĐQT ngày 23 tháng 4 năm 2022.

Theo Nghị Quyết của Đại hội đồng Cổ đông số 241/NQ-HĐQT/2022 ngày 23 tháng 4 năm 2022, Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 69.708 triệu VND (2021: 23.236 triệu VND).

26. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	46.471.707	464.717.070.000	46.471.707	464.717.070.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Tại ngày báo cáo, danh sách cổ đông lớn của Công ty như sau:

	31/12/2022		1/1/2022	
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	23.898.273	51,43%	23.898.273	51,43%
Quỹ Đầu tư Cơ hội PVI (POF)	9.880.000	21,26%	-	-
The Furukawa Battery Co Ltd.,	4.899.708	10,54%	4.899.708	10,54%
Công đoàn Cty CP Pin Ắc quy Miền Nam	2.331.234	5,02%	2.325.034	5,00%
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital	-	-	6.038.220	12,99%
Công ty CP Chứng khoán Thành Công	-	-	2.791.701	6,01%
Các cổ đông khác	5.462.492	11,75%	6.518.771	14,03%
	46.471.707	100%	46.471.707	100%

27. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Trong vòng một năm	3.992.154.320	3.944.776.000
Trong vòng hai đến năm năm	11.420.928.571	14.237.226.891
	15.413.082.891	18.182.002.891

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022 VND	1/1/2022 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	11.588.817.193	25.045.116.529

(c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.110.566	26.053.888.681	1.238.744	28.045.163.707
EUR	259	6.400.845	270	6.852.353
		26.060.289.526		28.052.016.060

28. Báo cáo bộ phận

Công ty lựa chọn khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và lợi ích kinh tế của Công ty tương đối khác biệt theo từng khu vực địa lý.

Khi trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý, doanh thu bộ phận dựa vào vị trí địa lý của khách hàng tại Việt Nam ("Trong nước") hay ở các nước khác ngoài Việt Nam ("Xuất khẩu"). Công ty không lập báo cáo bộ phận cho các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kết toán do phần lớn tài sản cố định đều có vị trí tại Việt Nam.

Doanh thu và giá vốn dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

	Trong nước		Nước ngoài		Tổng	
	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND	2022 VND	2021 VND
Doanh thu	2.597.538.060.392	2.421.555.130.369	801.159.909.919	626.962.525.752	3.398.697.970.311	3.048.517.656.121
Giá vốn	2.262.493.006.260	2.019.362.220.489	652.936.390.132	582.364.891.377	2.915.429.396.392	2.601.727.111.866
	335.045.054.132	402.192.909.880	148.223.519.787	44.597.634.375	483.268.573.919	446.790.544.255

29. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2022 VND	2021 VND
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu pin và ắc quy	3.835.776.645.881	3.530.513.437.533
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	433.800.657.116	479.289.185.125
▪ Hàng bán bị trả lại	3.278.018.454	2.706.596.287
	437.078.675.570	481.995.781.412
Doanh thu thuần	3.398.697.970.311	3.048.517.656.121

30. Giá vốn hàng bán

	2022 VND	2021 VND
Pin và ắc quy đã bán	2.912.973.599.258	2.586.717.678.439
Khuyến mãi có điều kiện	3.107.783.569	14.792.221.229
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(651.986.435)	217.212.198
	2.915.429.396.392	2.601.727.111.866

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022 VND	2021 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	53.858.454.466	58.576.560.876
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.156.721.317	12.082.968.602
	66.015.175.783	70.659.529.478

32. Chi phí tài chính

	2022 VND	2021 VND
Chi phí lãi vay	53.135.288.168	45.932.294.698
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.235.902.593	3.647.798.607
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.042.177.144	525.809.626
Chiết khấu thanh toán	2.494.475	2.419.869.194
	94.415.862.380	52.525.772.125

33. Chi phí bán hàng

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	42.564.514.179	43.731.036.628
Chi phí vận chuyển	41.643.746.407	39.717.231.521
Chi phí khai thác thị trường	25.808.126.920	25.217.574.000
Chi phí quảng cáo	22.878.882.785	36.131.901.536
Chi phí bảo hành	14.058.957.167	16.227.560.358
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.834.329.225	11.583.046.381
Chi phí bao bì	3.218.957.149	2.796.916.673
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.142.960.020	3.122.725.983
Chi phí công cụ và dụng cụ	110.857.886	4.057.327.962
Chi phí bán hàng khác	18.736.277.527	24.161.520.259
	190.997.609.265	206.746.841.301

34. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nhân viên	28.025.261.143	30.016.943.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.828.775.800	11.938.841.008
Chi phí thuế	6.957.405.693	28.659.295
Chi phí khấu hao và phân bổ	713.490.399	805.432.698
Chi phí công cụ và dụng cụ	578.617.409	1.408.647.502
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	180.472.200	(231.674.434)
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	12.202.611.648	7.909.488.415
	62.486.634.292	51.876.337.690

35. Thu nhập khác

	2022 VND	2021 VND
Tiền bồi thường nhận được từ bảo hiểm (*)	-	14.673.485.214
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	266.428.932
Các khoản khác	915.391.999	1.313.169.565
	915.391.999	16.253.083.711

(*) Khoản tiền bồi thường nhận được từ bảo hiểm do sự cố cháy nhà xưởng xảy ra năm 2019.

36. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2022 VND	2021 VND
Chi phí nguyên vật liệu	2.565.644.970.680	2.082.737.501.095
Chi phí nhân công và nhân viên	295.280.149.052	299.257.054.806
Chi phí khấu hao và phân bổ	91.247.974.734	82.467.772.387
Chi phí dịch vụ mua ngoài	127.212.818.286	127.385.511.119
Chi phí sản xuất và kinh doanh khác	242.378.070.885	218.382.374.919
	3.321.763.983.637	2.810.230.214.326

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022 VND	2021 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	40.314.595.562	44.305.173.012
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.561.730.562	4.027.511.156
	42.876.326.124	48.332.684.168
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	231.862.800	251.972.073
Chi phí thuế thu nhập	43.108.188.924	48.584.656.241

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022 VND	2021 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	201.039.547.448	222.411.622.124
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	40.207.909.490	44.482.324.425
Chi phí không được khấu trừ thuế	338.548.872	74.820.660
Dự phòng thiếu trong các năm trước	2.561.730.562	4.027.511.156
	43.108.188.924	48.584.656.241

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

38. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho năm kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2022	2021
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	157.931.358.524	173.826.965.883
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*) (VND)	(15.793.135.852)	(17.382.696.588)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	142.138.222.672	156.444.269.295
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	46.471.707	46.471.707
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.059	3.366

(*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2022 và năm 2021 được tạm tính theo tỉ lệ 10% lợi nhuận sau thuế.

39. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Công ty mẹ		
Tập đoàn hóa chất Việt Nam		
Cổ tức	35.847.409.500	11.949.136.500
Cổ đông lớn		
Công ty TNHH Đầu tư Sài Gòn 3 Capital		
Cổ tức	9.303.380.000	1.115.150.000
Furukawa Battery Co Ltd.		
Phí bản quyền	2.984.499.170	2.335.123.869
Cổ tức	7.349.562.000	2.449.854.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Thành công		
Cổ tức	4.290.151.500	1.355.650.500

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2022 VND	2021 VND
Bên liên quan khác		
Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam		
Mua hàng hóa	13.224.941.900	10.725.052.699
Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn		
Mua hàng hóa	390.603.700	333.670.700
Công ty Cổ phần Bột Giặt Lix		
Mua hàng hóa	9.263.232	-
Công ty cổ phần Phân Bón Miền Nam		
Mua hàng hóa	8.938.675.900	-
Hội đồng Quản trị		
Thù lao và phụ cấp		
Ông Lê Hoàng	240.000.000	233.000.000
Ông Lê Văn Năm	72.000.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Chung	159.600.000	157.600.000
Ông Trần Thanh Văn	53.200.000	157.600.000
Ông Nguyễn Quốc Việt	106.400.000	-
Ban Kiểm soát		
Thù lao và phụ cấp		
Bà Phan Thị Hoàng Giang	54.400.000	-
Bà Trần Thị Kiều Ly	27.200.000	81.600.000
Bà Vũ Thị Mai Nhung	81.600.000	81.600.000
Lương, thưởng và phụ cấp		
Ông Tạ Duy Linh	417.226.021	-
Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	183.100.000	543.200.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phụ cấp		
Tổng giám đốc	748.800.000	742.800.000
Thành viên khác của Ban Giám đốc	276.000.000	769.200.000

40. Thông tin so sánh

Trong năm 2022, Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh và Cục thuế Thành phố Hà Nội đã tiến hành thanh tra nghĩa vụ thực hiện thuế của Công ty cho các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, 2017, 2018, 2019 và 2020. Theo Kết luận thanh tra thuế số 486/KL-CT ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh, và Quyết định số 52581/QĐ-CTHN-TTKT9 ngày 1 tháng 11 năm 2022 của Cục thuế Thành phố Hà Nội, số thuế giá trị gia tăng được khấu trừ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 giảm 11.014.482.145 VND, thuế phải nộp nhà nước tăng 2.173.551.111 VND. Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 và các số liệu tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Chi tiết ảnh hưởng của các điều chỉnh hồi tố như sau:

Bảng cân đối kế toán

Chỉ tiêu	Mã số	1/1/2022 (theo báo cáo năm trước) VND	Số điều chỉnh VND	1/1/2022 (Điều chỉnh lại) VND
Thuế GTGT được khấu trừ	152	45.710.981.838	(11.014.482.145)	34.696.499.693
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14.539.657.377	2.173.551.111	16.713.208.488
LNST chưa phân phối	421	176.249.847.811	(13.188.033.256)	163.061.814.555
(Lỗ lũy kế)/LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	*421a*	*2.422.881.928*	*(13.188.033.256)*	*(10.765.151.328)*

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 (theo báo cáo trước đây)	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	102.367.853.515	730.296.569.585
Sửa chữa sai sót	-	-	-	(13.188.033.256)	(13.188.033.256)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 (điều chỉnh lại)	464.717.070.000	1.584.699.224	161.626.946.846	89.179.820.259	717.108.536.329

Trừ các trường hợp được thuyết minh nêu trên, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 2 tháng 3 năm 2023

Người lập:		Người duyệt:
Nguyễn Văn Diệp	Nguyễn Duy Hưng	Lê Văn Năm
Phụ trách Kế toán – Tài chính	*Phó Tổng Giám đốc*	*Tổng Giám đốc*

PHỤ LỤC 1

CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2022

(Đính kèm theo Báo cáo số: ___/TTr-BKS ngày ___/04/2023)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trưởng BKS	Ngày không còn là Trưởng BKS : 23/04/2022
2	Bà Trần Thị Kiều Ly	Thành viên BKS	Ngày không còn là thành viên BKS : 23/04/2022
3	Bà Vũ Thị Mai Nhung	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là thành viên BKS : 21/04/2018
4	Ông Tạ Duy Linh	Trưởng BKS	Ngày bắt đầu là Trưởng BKS : 23/04/2022
5	Bà Phan Thị Hoàng Giang	Thành viên BKS	Ngày bắt đầu là thành viên BKS : 23/04/2022

PHỤ LỤC 2

NỘI DUNG CHI TIẾT CÁC CUỘC HỌP BKS NĂM 2022

(Đính kèm theo Báo cáo số: ___/TTr-BKS ngày ___/04/2023)

STT	Số biên bản	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ tham gia
1	001/BBH/ BKS-2022	15/02/2022	- Tờ trình kiểm tra số liệu BCTC năm 2021. - Nội dung kiểm tra số liệu BCTC năm 2021.	3/3
2	002/BBH/ BKS-2022	04/03/2022	- Thông qua nội dung : Báo cáo thẩm định BCTC năm 2021.	3/3
3	003/BBH/ BKS-2022	23/03/2022	- Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2022. - Báo cáo BKS trình Đại Hội Đồng Cổ Đông năm 2022.	3/3
4	01/BBH/ BKS-2022	09/05/2022	- Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2022-2027. - Thông qua Tờ trình lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2022	3/3
5	02/BBH/ BKS-2022	01/08/2022	- Thông qua nội dung "Báo cáo thẩm định BCTC của BKS 6 tháng đầu năm 2022"	3/3
6	03/BBH/ BKS-2022	30/09/2022	- Thống nhất kế hoạch kiểm tra Q4/2022 tại Chi nhánh Đà Nẵng và Chi nhánh Hà Nội. - Đánh giá kết luận của Cục Thuế TP.HCM về việc chấp hành pháp luật về Thuế từ năm 2016-2020	3/3
7	04/BBH/ BKS-2022	30/11/2022	- Báo cáo kết quả kiểm tra tình hình hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH BĐS Thịnh Phát. - Đánh giá kết luận của Cục Thuế TP.Hà Nội về việc chấp hành pháp luật về Thuế từ năm 2019-2021 tại Chi nhánh PINACO Hà Nội	3/3

PHỤ LỤC 3

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG TỪNG QUÝ NĂM 2023

(Đính kèm theo Báo cáo số: ___/TTr-BKS ngày ___/04/2023)

STT	Nội dung
	QUÝ I
1	Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022.
2	Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm 2022.
3	Báo cáo quá trình hoạt động kiểm soát theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
4	Báo cáo đánh giá quá trình quản lý công ty của Hội đồng quản trị và điều hành của Tổng giám đốc.
	QUÝ II
1	Thẩm định Báo cáo tài chính Quý I năm 2023, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh Quý I năm 2023.
2	Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên đề ra.
3	Xem xét việc ký kết và thực hiện các hợp đồng kinh tế, việc triển khai các dự án đầu tư, việc tuân thủ quy chế trả lương và các quy chế quy định khác theo đúng quy định của Nhà nước và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty.
	QUÝ III
1	Thẩm định Báo cáo tài chính Quý II năm 2023, tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý II năm 2023.
2	Kiểm tra việc ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế.
	QUÝ IV
1	Thẩm định Báo cáo tài chính Quý III năm 2023 tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III năm 2023.
2	Kiểm tra việc thực hiện các dự án đầu tư 9 tháng.
3	Kiểm tra tình hình trả lương và chế độ cho người lao động, công tác thu hồi vốn, công nợ.